

**Bồ tát Di Lạc tạo luận**

# **BIỆN PHÁP PHÁP TÁNҺ LUẬN**

**辨法法性論**

Maitreya's Dharmadharmatāvibhaṅga

Distinguishing Phenomena and Pure Being

**Pháp sư Pháp Tôn** phiên dịch

**Đại sư Thái Hư** khoa đề

**Quảng Minh** dịch chú

## LỜI TỰA

Vô Trước (Skt. Asaṅga) sinh vào khoảng năm 375 CN tại Purushapura, thành phố chính của Gandhara, miền bắc Pakistan ngày nay. Người mẹ bà la môn của ông, Prakashashila (Skt. Prakāśāśīla), ở kiếp trước, từng là một học giả Phật giáo uyên bác, sùng kính Bồ tát Quán Thế Âm. Trong một cuộc tranh luận với một học giả khác, bà đã gọi đối thủ của mình là phụ nữ và vì sự xúc phạm này, Quán Thế Âm nói rằng bà sẽ tái sinh thành phụ nữ 500 lần, nhưng Ngài sẽ luôn quan tâm đến bà.

Prakashashila cực kỳ uyên bác về mọi lĩnh vực kiến thức, nhưng vào thời đó, địa vị của phụ nữ khá yếu nên bà nguyện sanh những người con trai để làm lợi ích cho Giáo pháp và tất cả chúng sinh. Bà phối hợp với một hoàng tử thuộc đẳng cấp chiến binh kshatriya và sanh ra Vô Trước. Bà đã tự mình giáo dục Vô Trước một cách sâu rộng. Nhiều năm sau, sau khi Vô Trước trở thành một tu sĩ, bà sanh ra Thế Thân (Vasubandhu), phối hợp với một bà la môn trong triều đình.

Sau khi trở thành tu sĩ, Vô Trước đã nghiên cứu kinh điển trong 5 năm dưới sự hướng dẫn của vị trụ trì, Anandada, ghi nhớ 100.000 bài kệ mỗi năm. Nhưng khi đọc đến Kinh Bát nhã ba la mật, bản kinh về trí tuệ bát nhã sâu xa, ông thấy chúng quá rộng lớn đến nỗi ông trở nên bối rối. Sau khi nhận được quán đánh từ Anandada vào hệ thống thiền định Vô thượng Du-già (Mayajalatantra) và đã học được, trong nghi lễ, về sự liên kết của mình với Bồ tát Di Lặc, Vô Trước quyết định rằng chỉ có Bồ tát Di Lặc mới có thể xóa tan chướng ngại của mình. Vì vậy, ông quyết định nhập thất để cố gắng có được hình ảnh về Di Lặc và nhận được sự giải thích rõ ràng từ Ngài.

Vô Trước thiền định trong hang động suốt ba năm nhưng không thành công. Chán nản, ông rời khỏi hang và nhanh chóng nhận thấy một số dấu vết trên tảng đá

gần đó do cánh của một con chim để lại khi nó bay vào và ra khỏi tổ. Vô Trước nghĩ: “Nếu đôi cánh mềm mại của một con chim có thể để lại những dấu vết như vậy trên đá thì có lẽ mình nên kiên trì để gặp Di Lạc!” Với điều này, ông quay trở lại hang động của mình. Theo một phiên bản khác của sự việc này, Vô Trước đã nhìn thấy một người đàn ông đang cố gắng dùng một chiếc lông vũ chà xát một tảng đá đang chặn cửa sổ của mình.

Vô Trước thiền định thêm ba năm nữa nhưng vẫn không thành công, thậm chí không có một giấc mơ cát tường nào. Chán nản, ông ra khỏi hang và gặp một người đang đưa một thanh sắt bằng vải lụa để làm kim. Vô Trước nghĩ: “Nếu ai đó bỏ nhiều công sức vào một việc tầm thường như vậy, chắc chắn mình có thể tiếp tục thiền định để có được hình ảnh về Di Lạc,” và ông quay trở lại hang động.

Vô Trước thiền thêm ba năm nữa và vẫn không hài lòng với sự tiến bộ của mình. Bò tát Di Lạc chưa xuất hiện nên ông rời khỏi hang, và chỉ để ý đến những lỗ trên đá cứng do những giọt nước nhỏ liên tục nhỏ xuống. Ông nhận ra: “Tôi phải kiên trì nếu muốn thấy mọi thứ thay đổi!” Ông quay trở lại hang động của mình.

Vô Trước thiền định thêm ba năm nữa nhưng vẫn không có kết quả gì. Thực sự chán nản, anh đã đưa ra quyết định cuối cùng là rời khỏi hang động mãi mãi. Ông bắt đầu đi bộ xuống đồi và gặp một con chó bị thương, phần thân dưới đầy giòi. Cảm thấy vô cùng thương xót con chó và lũ giòi, ông tự hỏi mình có thể giúp đỡ chúng như thế nào. Vô Trước nhận ra rằng nếu ông dùng tay gỡ lũ giòi ra, ông có thể nghiền nát chúng và chúng sẽ chết. Hơn nữa, chúng cần thức ăn. Vì vậy, ông ta tự cắt một miếng thịt từ chân mình và quyết định dùng lưỡi nhẹ nhàng loại bỏ lũ giòi. Nhắm mắt lại, ông bắt đầu di chuyển lũ giòi, để rồi thấy rằng con chó và những con giòi đã biến mất và thay vào đó, trước mặt ông là Bò tát Di Lạc.

Vô Trước thưa: “Con đã thiền định lâu như vậy mà Ngài chưa bao giờ đến với con!” Sau đó, Bò tát Di Lạc giải thích với ông rằng Ngài đã ở bên ông suốt thời gian qua, nhưng vì nghiệp chướng khiến cho ông đã không thể nhận biết được

Ngài. Lòng bi mẫn của Vô Trước đối với con chó và lũ giòi đã tịnh hóa mọi chướng ngại và giúp ông có thể nhìn thấy Bồ tát Di Lặc một cách trực tiếp.

Vô Trước điểu hành quanh thị trấn với Bồ tát Di Lặc trên vai và hét lên: “Mọi người nhìn này, Bồ tát Di Lặc đây,” nhưng hầu như không ai nhìn thấy gì cả và nghĩ rằng ông bị điên. Chỉ có một bà già nấu rượu nhìn thấy một con chó trên vai.

Sau đó, Bồ tát Di Lặc đưa Vô Trước tới cung trời Đâu Suất (Tuṣita) để thọ nhận giáo lý Đại thừa sâu rộng về tánh Không và cách áp dụng chúng vào sự thực hành. Vô Trước đã ở đó trong một buổi sáng của chư thiên, nhưng thực ra đó là 50 năm của con người. Khi Vô Trước trở lại trái đất, ông đã viết lại từ trí nhớ những lời dạy mà ông đã nhận được từ Bồ tát Di Lặc trong cái được gọi là Di Lặc Ngũ Luận (彌勒五論). Đó là:

1. Hiện Quán Trang Nghiêm Luận (現觀莊嚴論, Skt. Abhisamayalankara)
2. Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận (大乘莊嚴經論, Skt. Mahāyānasūtrālaṅkāra)
3. Biện Trung Biên Luận (辨中邊論, Skt. Madhyāntavibhaṅga)
4. Biện Pháp Pháp Tánh Luận (辦法法性論, Skt. Dharmadharmatāvibhaṅga)
5. Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận (究竟一乘寶性論, Skt. Ratnagotravibhāga)<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận, Đại Chánh Tạng, No. 1611, không ghi tên tác giả, do ngài Tam tạng Lặc-na-ma-đề (勒那摩提, Skt. Ratnamati) dịch vào thời Bắc Ngụy. Chúng tôi cho rằng tác giả luận này là Vô Trước. Xem bản dịch của Linh Sơn Pháp Bảo. Truyền thống Trung Hoa cho Kiên Tuệ (堅慧, Ratnamati) là tác giả, trong khi truyền thống Tây Tạng cho Di Lặc và Vô Trước là đồng tác giả luận này. Lặc-na-ma-đề đặc biệt nổi tiếng vì trí nhớ phi thường về rất nhiều kinh kệ. Vào năm 508 CN, Lặc-na-ma-đề du hành từ Ấn Độ đến thủ đô Lạc Dương của Bắc Ngụy, nơi ông bắt đầu thực hiện bản dịch "Thập Địa Luận" (十地經論, Skt. Daśabhūmividyākhyāna) của Thế Thân với Bồ-đề-lưu-chi (菩提流支, Bodhiruci) và Phật-đà-phiến-đa (佛陀扇多, Buddhaśānta). Bản chất của A lại da thức (dù là thanh tịnh, bất tịnh hay cả hai) đã khiến họ đưa ra những bản dịch khác nhau. Những người nghiên cứu cách dịch của Bồ-đề-lưu-chi được biết đến là Địa Luận Sư Bắc Đạo Phái (地論師北道派), trong khi những người theo phiên bản của Lặc-na-ma-đề được gọi là Địa Luận Sư Nam Đạo Phái (地論師南道派). Nam Đạo Phái được đại diện bởi học trò xuất sắc nhất của Lặc-na-ma-đề là Tuệ Quang (慧光, 468–537), người chủ trương rằng A lại da thức là Thắng nghĩa đế (paramārthasatya) và cùng tồn tại với Phật tánh. Do đó Lặc-na-ma-đề sau đó đã cộng tác với các học

Những luận bản này, cũng như các tác phẩm tiếp theo của ông, đã trở thành nền tảng cho hệ thống giáo lý Duy Thức (Chittamatra), còn được gọi là Du Già Hành Phái (Yogachara) hay Duy Thức Tông (Vijnanavada):

- Đại Thừa A-tỳ-đạt-ma Tập Luận (大乘阿毘達磨集論, Skt. Abhidharmasamuccaya)

- Du Già Sư Địa Luận (瑜伽師地論, Skt. Yogācārabhūmi-Śāstra)

- Nhiếp Đại Thừa Luận (攝大乘論, Skt. Mahāyānasamgraha).

Người ta nói rằng Vô Trước sống đến 120 tuổi và sau khi làm trụ trì Nalanda trong 12 năm, ông qua đời ở Rajagriha.

Biện Pháp Pháp Tánh Luận (Skt. Dharmadharmatāvibhaṅga, Tib. Chos dang chos nyid rnam par 'byed pa) là một trong năm tác phẩm của Di Lặc. Nó được coi là một văn bản tiêu biểu của Du-già hành phái, bởi vì nó biện giải, phân biệt về pháp (sinh tử) và pháp tánh (niết bàn), cùng với sự chuyển y: chuyển tạp nhiễm thành thanh tịnh, chuyển mê khai ngộ, siêu việt sanh tử mà ngộ nhập niết bàn. Hành giả Du Già kiến lập chuyển xả ‘pháp’ để y đắc ‘pháp tánh’, đây là trọng điểm của bản luận.

Luận này lấy sáu tướng để hiển ‘pháp’ và sáu tướng để bày ‘pháp tánh’, đều là để thiết lập pháp sanh tử và pháp niết bàn, hư vọng phân biệt và chân như.

Ngàn kinh muôn luận không ngoài pháp tướng và pháp tánh, và chúng bao gồm trong “các pháp sở tri”. Sở tri là những gì được biết đến. Pháp là khái niệm (dài ngắn, trắng đen, cũ mới, tốt xấu, v.v.), là ý tưởng (thiện ác, đúng sai, lợi hại, mê ngộ, v.v.) Tất cả pháp bao gồm trong 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới. Thật tánh của các

---

giả khác để dịch các tác phẩm khác, bao gồm Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận, và Diệu Pháp Liên Hoa Ưu-bà-đề-xá (妙法蓮華經憂波提舍, Saddharmapuṇḍarikopadeśa) được cho là của Thế Thân. Có một tác phẩm của Thế Thân tên là Phật Tánh Luận (佛性論, Uttar Tantra), Đại Chánh tạng, No. 1610, gồm 4 quyển, Chân Đế (真諦, Paramārtha) dịch. Nội dung giải thích ba phẩm: 5, 6 và 7 (: Tất cả chúng sanh có Như lai tạng, Vô lượng phiền não trói buộc và Vì nghĩa gì mà nói) của Bảo Tánh Luận, trình bày rất chi tiết lý thuyết Phật tánh trong 16 phẩm, qua bốn phương diện: 1. Duyên khởi; 2. Pháp chấp (3 phẩm); 3. Hiện thể (3 phẩm); 4. Biện tướng (10 phẩm). Giải thích như thế nào mà chúng sanh có được Phật tánh, bác bỏ vọng chấp của ngoại đạo và Tiểu thừa. Tác giả trích dẫn rộng rãi Kinh Thắng Man, Kinh Pháp Hoa và Du-già sư địa luận.

pháp gọi là pháp tánh, hay còn gọi là chân như, pháp giới tánh. Như vậy, các pháp bao gồm tất cả có không, tâm vật, nhiễm tịnh, thiện ác, mê ngộ, phàm thánh, sanh tử niết bàn. Các pháp ấy là những đối tượng được biết, được tóm gọn trong ba tánh: biến kế chấp tánh, y tha khởi tánh và viên thành thật tánh, đó gọi là các pháp sở tri.

Khi đối tượng được nhận thức (sở thủ) và người nhận thức (năng thủ) biến mất, thì pháp tánh hay chân như tự biểu hiện. Nêu lên sự khác biệt giữa pháp và pháp tánh, tác phẩm này cho thấy con đường dẫn đến sự giác ngộ liên quan đến việc loại bỏ biến kế chấp tánh đối với các pháp y tha, để mở ra tiềm năng vô hạn của viên thành thật tánh của chúng ta.

Biện Pháp Pháp Tánh Luận dạy cho chúng ta cách nhìn thế giới vượt thoát về bề ngoài của nó. Làm thế nào để hiểu thế giới này ngoài tầm nhận thức phân biệt của chúng ta, theo quan điểm Duy thức, để biết được sự thật tối thượng ẩn giấu đằng sau vũ trụ có thể quan sát được này.

Những ý niệm nhị nguyên (năng thủ và sở thủ) về kẻ ghét mà chúng ta nghĩ là thực có, từ đây là nguyên nhân tạo ra đau khổ vì lòng ghét bỏ của chúng ta, và hậu quả đau đớn của sự ghét bỏ. Nhưng nỗi đau do hậu quả của những hành động giận dữ của chúng ta lại lớn hơn nỗi đau của sự tức giận từng có.

Những ý niệm nhị nguyên về người thương mà chúng ta nghĩ là thực có, từ đây nảy sinh đau khổ bởi sự thay đổi và trái tim tan vỡ. Người thương khiến chúng ta đau khổ hơn kẻ ghét.

Và vì vậy, nếu chúng ta biết quán chiếu sâu sắc bản chất không thực của các pháp, toàn là hư vọng phân biệt, để thoát khỏi sự ràng buộc bởi ưa thích và ghét bỏ nhưng vẫn tràn đầy lòng bi mẫn, thì cả người thương và kẻ ghét đều biến thành nhân duyên Phật pháp, những chướng ngại trở thành thiện tri thức của chúng ta.

Thế giới hiện tượng là luân hồi, bởi vì những phóng chiếu mê lầm, hư vọng phân biệt. Tịnh độ là niết bàn vượt qua mọi ưu phiền, chấp trước ngã pháp. Sanh tử

và niết bàn không phải là một và cũng không khác nhau. Sinh tử như băng, niết bàn như nước.

Nếu nhìn thấu suốt thực tướng của các pháp bằng trí vô phân biệt thì bản thể thanh tịnh của niết bàn sẽ hiển lộ. Đây là sự chuyển y, là cảnh giới xúc chứng. Khi ấy chỉ có sự thuần khiết chói sáng, như hình ảnh đám mây trắng phản chiếu trên mặt nước băng tan của một ngày xuân rực rỡ nắng ấm.

Nguyện xin giáo lý toàn hảo của đấng Vô Năng Thắng được lan tỏa khắp mười phương.

San Francisco, 24/11/2023

Tưởng niệm húy nhật lần thứ 4 Đại sĩ Thích Trí Quang

Đệ tử Quảng Minh kính ghi

## NỘI DUNG

### TỰ LUẬN

### CHÁNH LUẬN

#### A. Biện Pháp và Pháp tánh để biết rõ nghĩa Tam thừa

##### I. Lược nêu

1. Tổng nhiếp hai sự
2. Biệt thuyết ba môn
  - (1) Tướng môn
  - (2) Thành lập môn
  - (3) Bất nhất bất dị môn

##### II. Quảng thích

1. Biện sanh tử
  - (1) Trình bày
  - (2) Biệt thuyết
    - (a) Lược chỉ ba tướng ở trên
    - (b) Sở y cộng và bất cộng
    - (c) Ngộ nhập nhị thủ tự hiện phi hữu
2. Biện Niết bàn
  - (1) Trình bày
  - (2) Biệt thích
    - (a) Tướng
    - (b) Y xứ
    - (c) Quyết trạch



(d) Xúc chứng

(e) Tùy niệm

(f) Tự tánh

B. Đặc thù của Chuyển y để hiểu rõ nghĩa Đại thừa

III. Pháp Thuyết

1. Tổng nêu

2. Biệt thích

(1) Ngộ nhập Tự tánh

(2) Ngộ nhập Vật thể

(3) Ngộ nhập Số thủ thú

(4) Ngộ nhập Sai biệt

(5) Ngộ nhập Sở vi

(6) Ngộ nhập Sở y trú

(a) Trình bày

(b) Biệt thích

(b.1) Ngộ nhập Sở duyên của trí vô phân biệt

(b.2) Ngộ nhập Ly tướng của trí vô phân biệt

(b.3) Ngộ nhập Gia hành của trí vô phân biệt

(b.4) Ngộ nhập Tánh tướng của trí vô phân biệt

(b.5) Ngộ nhập Thắng lợi của trí vô phân biệt

(b.6) Ngộ nhập Biến tri của trí vô phân biệt

(6a) Trình bày

(6b) Biệt thích

(i) Biến tri đối trị

(ii) Biến tri tự tướng

(iii) Biến tri sai biệt

(iv) Biến tri tác nghiệp

(7) Ngộ nhập Tác ý

(8) Ngộ nhập Địa

(9) Ngộ nhập Lỗi lầm

(10) Ngộ nhập Công đức

IV. Dự thuyết

## BIỆN PHÁP PHÁP TÁNH LUẬN

Bồ tát Di Lặc tạo luận

Pháp sư Pháp Tôn phiên dịch<sup>2</sup>

Đại sư Thái Hư khoa đề

Quảng Minh dịch chú

### TỰ LUẬN

由知何永斷，

有餘所應證；

欲辨彼等相，

故我造此論。

Do tri hà vĩnh đoạn ,

Hữu dư sở ứng chứng;

Dục biện bỉ đẳng tướng ,

Cố ngã tạo thử luận.

**Do biết vĩnh đoạn gì**

---

<sup>2</sup> Pháp sư Pháp Tôn y cứ Tạng văn mà dịch ra Hán văn.

**Những gì khác phải chứng;<sup>3</sup>  
Muốn biện những tướng kia,  
Nên tôi tạo luận này.**

## CHÁNH LUẬN

A. Biện Pháp và Pháp tánh để biết rõ nghĩa Tam thừa

I. Lược nêu

1. Tổng nhiếp hai sự

當知此一切，  
略攝為二種：  
由法與法性，  
盡攝一切故。  
其中法所顯，  
即是說生死；  
其法性所顯，  
即三乘涅槃。

Đương tri thử nhất thiết，  
Lược nhiếp vi nhị chủng：  
Do pháp dữ pháp tánh，  
Tận nhiếp nhất thiết cố。

---

<sup>3</sup> Vĩnh đoạn pháp thể gian hay pháp sanh tử. Phải chứng ngộ pháp xuất thế gian hay pháp niết bàn.

Kỳ trung pháp sở hiển ,  
Tức thị thuyết sanh tử ;  
Kỳ pháp tánh sở hiển ,  
Tức tam thừa niết bàn 。

**Nên biết tất cả pháp**

**Lược nhiếp làm hai thứ:**

**Do pháp và pháp tánh<sup>4</sup>**

**Nhiếp hết tất cả sở tri.**

**Trong đó, pháp được biểu hiện**

**Tức là nói sanh tử;**

**Pháp tánh được hiển lộ**

**Tức là niết bàn của ba thừa.**

## 2. Biệt thuyết ba môn

### (1) Tướng môn

此中法相者，  
謂虛妄分別，  
現二及名言。  
實無而現故，  
以是為虛妄；  
彼一切無義，

---

<sup>44</sup> Pháp tánh: là nghĩa bất biến, nghĩa là các pháp do tất cả nhân duyên tạo thành, xét theo thời gian thì các pháp sanh diệt biến hóa trong từng sát na, nhưng chỉ có tánh không của các pháp mới thường hằng bất biến, nên gọi là pháp tánh.

惟計故分別。  
復此法性相，  
無能取所取，  
能詮所詮別，  
即是真如性。

Thử trung pháp tướng giả,  
Vị hư vọng phân biệt,  
Hiện nhị cập danh ngôn.  
Thật vô nhi hiện cố,  
Dĩ thị vi hư vọng;  
Bỉ nhất thiết vô nghĩa,  
Duy kế cố phân biệt.  
Phục thử pháp tánh tướng,  
Vô năng thủ sở thủ,  
Năng thuyên sở thuyên biệt,  
Tức thị chân như tánh.

**Ở đây các pháp tướng  
Là hư vọng phân biệt<sup>5</sup>,  
Hiện nhị<sup>6</sup> và danh ngôn<sup>7</sup>.**

---

<sup>5</sup> Hư vọng phân biệt là phân biệt mà trong đó có 3 loại phân biệt: danh ngôn phân biệt, tự tánh phân biệt và sai biệt phân biệt.

<sup>6</sup> Hiện nhị: hiện khởi năng thủ và sở thủ. Nhị nguyên là năng thủ (chủ thể) và sở thủ (khách thể). Nhị nguyên thì bất thực, vì phân chi (phân biệt) chủ thể và khách thể. Nhưng Không tánh thì hiện thực, vì vắng mặt khách thể và chủ thể.

<sup>7</sup> Nhiếp luận nói, A lại da có 3 sự huân tập sai biệt: 1. Danh ngôn huân tập sai biệt; 2. Ngã kiến huân tập sai biệt; 3. Hữu chi huân tập sai biệt. H.T Thích Trí Quang giải thích: Danh ngôn huân tập: danh ngôn là các pháp. Các pháp mà gọi là danh ngôn, là vì các pháp là những khái niệm. Khái niệm là danh ngôn. Danh ngôn có 2 loại: chính khái niệm là biểu thị các pháp, nên gọi nó là danh ngôn hiển cảnh; rồi ngôn ngữ văn tự truyền đạt danh ngôn hiển cảnh thì gọi là danh ngôn biểu nghĩa. Nói danh ngôn huân tập cũng như nói các pháp huân tập, huân tập thành ra chủng tử

**Thực sự không có mà hiện có  
Vì vậy gọi hư vọng.  
Tất cả pháp vốn vô nghĩa<sup>8</sup>,  
Chỉ là biến kế<sup>9</sup> nên gọi là phân biệt.  
Lại nữa, tướng của pháp tánh đây  
Không năng thủ và sở thủ  
Năng thuyên và sở thuyên sai biệt  
Tức là chân như tánh.<sup>10</sup>**

## (2) Thành lập môn

無而現故亂，  
即是雜染因，  
如現幻象等，  
非有而現故。  
若無及現中，  
任隨一非有，  
則亂與不亂，

---

tương lai của các pháp, các pháp tương lai do chủng tử ấy mà hiện hành. Nên danh ngôn huân tập là duyên khởi thứ nhất, duyên khởi ra tự tánh khác nhau. Ngã kiến huân tập là mặt na (ý ô nhiễm) ý thức A lại da làm tự ngã. Ý thức tự ngã này huân tập thành ra chủng tử thấy có mình có người, tự thể (sanh mạng) khác nhau. Hữu chi huân tập, hữu chi là 12 nhân duyên. Do hữu chi huân tập, bằng các nghiệp phước, phi phước và bất động, mà có ra tự thể (và quả báo của tự thể) là 3 cõi 6 đường đáng ưa và đáng ghét. Ngã kiến huân tập và hữu chi huân tập là tầng thượng duyên, tức duyên khởi ra tự thể khác nhau. Tóm lại, do 3 sự sai biệt trên đây mà thấy A lại da vừa là chất liệu, vừa là tổ hợp, đối với nhân sanh vũ trụ.

<sup>8</sup> Vô nghĩa: là không có năng thủ và sở thủ.

<sup>9</sup> Nói nhất thiết pháp tướng (sắc thái của các pháp), tức nói 3 tự tánh: biến kế sở chấp tánh, y tha khởi tánh và viên thành thật tánh. Tánh có nghĩa là có, nhưng mỗi tánh có mỗi cách: biến kế là vọng hữu (có một cách sai lầm), y tha là giả hữu (có một cách tương đối) và viên thành là thật hữu (có một cách đích thực).

<sup>10</sup> Pháp tánh và pháp tướng thì không có năng thủ, sở thủ, năng thuyên, sở thuyên sai biệt, toàn là “bất khả đắc”. Pháp tánh chân như vô tướng, viên ly tất cả hý luận và thác loạn, tự tại đối với hữu tướng.

染淨皆非理。

Vô nhi hiện cố loạn ,

Tức thị tạp nhiễm nhân ,

Như hiện huyễn tượng đấng ,

Phi hữu nhi hiện cố 。

Nhược vô cập hiện trung ,

Nhậm tùy nhất phi hữu ,

Tắc loạn dữ bất loạn ,

Nhiễm tịnh giai phi lý 。

**Không có mà hiện có nên thác loạn<sup>11</sup>,**

**Chính là nhân tạp nhiễm<sup>12</sup>.**

**Như hiện những huyễn tượng<sup>13</sup>,**

**Chẳng có mà biểu hiện.**

**Không có tánh hai thủ (thật vô) và hiện tướng hai thủ  
(hiện hữu)**

**Hễ khuyết một chẳng có,**

<sup>11</sup> Thác loạn là sự hiện khởi của năng thủ và sở thủ.

<sup>12</sup> Chúng sanh có ba sự tạp nhiễm, đó là hoặc tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sanh tạp nhiễm. Các phiền não là hoặc tạp nhiễm; các ác hành là nghiệp tạp nhiễm; sanh, già, chết là sanh tạp nhiễm. Thức chủng tử dị thực (A lại da) là cái nhân tạp nhiễm. A lại da là tánh y tha. Y tha là tổng thể của tánh biến kế và tánh viên thành của nhiễm pháp và tịnh pháp. Nhiếp luận: “Sanh tử là phần tạp nhiễm nơi y tha, niết bàn là phần thanh tịnh nơi y tha, chỗ dựa của hai phần là y tha. Chuyển y là chính y tha khi nổi lên sự đối trị thì chuyển bỏ phần tạp nhiễm mà chuyển được phần thanh tịnh.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>13</sup> Các pháp là như huyễn ảo, chiêm bao, sóng nắng, ảnh tượng, bóng sáng, tiếng dội, bóng trăng trong nước, biến hóa. Huyền ảo là như không gian nổi lên hoa đóm, do con mắt bị bệnh màng mắt mà thấy có hoa đóm. Chiêm bao là cảnh khi mơ ngủ. Sóng nắng là những đợt sóng do hơi nắng bốc lên, làm cho con nai phát sanh ảo tưởng là nước. Ảnh tượng là hình ảnh trong gương. Bóng sáng là do ánh sáng mà tạo ra những bóng ảnh in trên vách, trên đất. Tiếng dội là tiếng dội lại y hết tiếng kêu trong hang núi. Bóng trăng trong nước là khi nước trong và lặng thì thấy được bóng trăng. Biến hóa là nhà ảo thuật làm ra trò ảo thuật mà người thích. Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận nói: “Huẩn tượng, thủ đắc huyễn, Vì mê nói có hai: Người mê đối với huyễn tượng và sự thủ đắc huyễn tượng, vì mê mà nói có hai sự là năng thủ và sở thủ. Như vậy hai vô thể, Mà có hai khả đắc: Hai sự năng thủ và sở thủ tuy nói là vô thể, nhưng cả hai vẫn có thể thủ đắc, do sự mê hiển lộ vậy.”



**Thì thác loạn và không thác loạn [bất thành],  
Nhiễm và tịnh là phi lý.<sup>14</sup>**

(3) Bất nhất bất dị môn

此二非即一，  
亦復非別異；  
以彼有無事，  
有別無別故。  
Thử nhị phi tức nhất，  
Diệc phục phi biệt dị；  
Dĩ bỉ hữu vô sự，  
Hữu biệt vô biệt cố。

**Hai đây<sup>15</sup> chẳng phải một，  
Cũng chẳng phải khác biệt；  
Bởi vì các pháp vốn vô sự<sup>16</sup>，  
Nhưng sai biệt và vô sai biệt.<sup>17</sup>**

<sup>14</sup> Chẳng ‘thật vô’ thì có, tức là các pháp thực có thể tánh, và tướng được biểu hiện tức là thật tướng của các pháp. Không ‘hiện hữu’ thì không có, tức chỉ là ‘không có’; thật hữu biểu hiện ‘có’, thật vô biểu hiện ‘không có’. Dựa vào đâu mà nói là thác loạn? Thác loạn thành lập, phải có hai điều kiện: 1. Thật vô; 2. Hiện hữu. Theo đó thiếu một thì thác loạn bất thành, và không thác loạn cũng bất thành. Chấp huyền trục vọng (執幻逐妄), nên có pháp sanh tử tạp nhiễm. Liễu huyền hợp giác (了幻合覺), nên có pháp niết bàn thanh tịnh. Thác loạn nên có nhiễm phàm. Không thác loạn nên có tịnh phẩm. Thác loạn và không thác loạn đã bất thành, thì nhiễm phàm và tịnh phẩm cũng không thành lập. Chỉ vì có ‘thật vô’ và ‘hiện hữu’, mà sanh tử, niết bàn, tứ đế, nhân quả mới có thể thành lập.

<sup>15</sup> Hai đây: thật vô và hiện hữu.

<sup>16</sup> Vô sự là bất khả đắc, là vô tánh. Vô tánh là bình đẳng nhất như, là không hai, không sai biệt. Sai biệt và vô sai biệt thì bất đồng, nhưng không thể nói là đồng nhất. Thế nhưng, phàm là hiện hữu thì đều là vô tự tánh. Vô không tách rời hữu. Hữu và vô, là hữu sai biệt mà lại vô sai biệt. Vì vô sai biệt nên không thể nói là khác.

<sup>17</sup> Biện Trung Biên Luận nói: “虛妄分別有，於此二都無，此中惟有空，於彼亦有此，故知一切法，非空非不空，有無及有故，此即為中道。Hư vọng phân biệt hữu, ư thử nhị đô vô, thử trung duy hữu không, ư bỉ diệc hữu thử, cố tri nhất thiết pháp, phi không phi bất không, hữu vô cập hữu cố, thử tức vi trung đạo.” (Phân biệt hư vọng

## II. Quảng thích

### 1. Biện sanh tử

#### (1) Trình bày

由六相悟入，  
諸法為無上：  
謂相與成立，  
及非一非異，  
所依共不共，  
悟入能所取，  
現似而非有。

Do lục tướng ngộ nhập,  
Chư pháp vi vô thượng:  
Vị tương dữ thành lập,  
Cập phi nhất phi dị,  
Sở y cộng bất cộng,  
Ngộ nhập năng sở thủ,  
Hiện tự nhi phi hữu.

**Do sáu tướng ngộ nhập**  
**Các pháp làm vô thượng:**  
**Là tướng và thành lập,**

---

thành hữu thể, Ở đây cả hai đều vô thể. Trong đó duy chỉ là không tính. Nơi cái kia cũng có cái này. Do đó nói hết thấy các pháp, Không phải không, không phải bất không. Do bởi hữu, phi hữu, và hữu, Như vậy khế hợp với trung đạo.) Ngã và pháp không phải là hữu thể; không và thức không phải là vô thể. Là cả hữu và vô, như vậy khế hợp trung đạo.

**Và phi nhất phi dị,  
Sở y cộng, bất cộng,  
Ngộ nhập năng sở thủ,  
Hiện tợ mà phi hữu.<sup>18</sup>**

(2) Biệt thuyết

(a) Lược chỉ ba tướng ở trên

其中相成立，  
及非一非異，  
如略標中說。

Kỳ trung tướng, thành lập,  
Cập phi nhất phi dị,  
Nhu lược tiêu trung thuyết.

**Trong đó: tướng, thành lập,  
Và phi nhất phi dị,  
Ba tướng này đã được đề cập.**

(b) Sở y cộng và bất cộng

---

<sup>18</sup> Bản luận lấy sáu thứ tướng để thuyết minh pháp sanh tử, là phương tiện ‘vô thượng’ để thông đạt các pháp. Sáu thứ tướng là: 1. Tướng; 2. Thành lập; 3. Phi nhất phi dị; 4. Sở y cộng; 5. Sở y bất cộng; 6. Ngộ nhập năng sở thủ, hiện tợ mà phi hữu. Tướng, là pháp tướng, là như kệ tụng ở trên nói: “Ở đây các pháp tướng, ... Biện kể nên phân biệt.” Thành lập, là như kệ tụng ở trên nói: “Thật vô mà hiện hữu, ... Nhiệm và tịnh là phi lý.” Phi nhất phi dị, là như kệ tụng ở trên nói: “Hai đây chẳng phải một, ... Nhưng sai biệt và vô sai biệt.” Sở y cộng và sở y bất cộng: Sở y, chỉ cho pháp sở y của sanh tử lưu chuyển và hư vọng phân biệt. Trong pháp sở y có cái cộng, là như cộng trú xứ cho nhân loại và mọi loài như thế giới chúng ta đang sống (trái đất), và có cái bất cộng cho tất cả chúng sanh, chẳng hạn như con người hay con kiến, có một cơ thể và đặc tánh riêng để duy trì sự tồn tại của chính nó. Ngộ nhập hai thủ, hiện tợ Phi hữu: là đối thức hiện khởi năng thủ và sở thủ mà không chấp trước là thật hữu, không chấp tâm và vật là sai biệt; ngộ nhập các pháp là hiện tợ mà kỳ thật phi hữu. Ngộ nhập tất cả pháp là duy thức sở hiện, đó là thắng giải tất yếu để tu quán ngộ nhập, là phần quan trọng nhất trong sáu thứ tướng.

諸於何流轉，  
說彼為所依？  
謂情界器界。  
器界即為共，  
如共同所了。  
有情界有共，  
復有諸不共：  
托胎生、名言，  
攝受與治罰，  
饒益及違害，  
功德并過失：  
由更互增上，  
互為因故共。  
依及諸了別，  
苦、樂、業、死、生，  
繫縛與解脫，  
彼九不共故，  
名不共所依。

Chư ư hà lưu chuyên,

Thuyết bị vi sở y?

Vị tình giới khí giới.

Khí giới tức vi cộng,

Như cộng đồng sở liễu.

Hữu tình giới hữu cộng,  
Phục hữu chư bất cộng:  
Thác thai sanh, danh ngôn,  
Nhiếp thọ dữ trị phạt,  
Nhiêu ích cập vi hại,  
Công đức tịnh quá thất:  
Do canh hõ tăng thượng,  
Hõ vi nhân cố cộng.  
Y cập chư liễu biệt,  
Khỏ, lạc, nghiệp, tử, sanh,  
Hệ phược dữ giải thoát,  
Bỉ cửu bất cộng cố,  
Danh bất cộng sở y.

**Lưu chuyển là thế nào,  
Mà nói nó làm sở y?  
Là hữu tình giới và khí thể giới.  
Khí thể giới thì chung cùng,  
Như cùng chung nhận thức, quy ước.  
Hữu tình giới có cái chung,  
Cũng có cái không chung:  
Thác thai sanh<sup>19</sup>, danh ngôn<sup>20</sup>,  
Nhiếp thọ<sup>21</sup> và trị phạt<sup>22</sup>,**

---

<sup>19</sup> Thai sanh của loài người nói riêng, dù Phật pháp nói đến tứ sanh: noãn, thai, thấp, hóa.

<sup>20</sup> Danh ngôn chỉ cho ngôn ngữ và văn tự.

<sup>21</sup> Nhiếp thọ chỉ cho vai trò và trách nhiệm của mỗi người trong xã hội.

<sup>22</sup> Trị phạt là đạo đức, pháp luật và hình phạt.

**Lợi ích và tác hại,  
Công đức và lỗi lầm:  
Do cùng nhau tăng thượng,  
Cùng làm nhân cho nhau, cho nên gọi là cộng.  
Y<sup>23</sup> và các liễu biệt<sup>24</sup>  
Khổ, lạc, nghiệp, tử, sanh,  
Hệ phược<sup>25</sup> và giải thoát,  
Vì chín kia không chung,  
Nên gọi là sở y bất cộng.**

(c) Ngô nhập nhị thủ tự hiện phi hữu

共現外所取，  
實即能取識。  
以離其內識，  
外境義非有，  
是共同性故。  
於餘不共識，  
為所取等義，  
謂他心等法。  
諸能取識前，  
更互非境故；  
於非等引時，

<sup>23</sup> Y là sở tri y, tức là a lại da thức. Nhiếp Luận nói: “Căn cứ của các pháp sở tri được nói là a lại da thức.”

<sup>24</sup> Các liễu biệt là những chuyên thức của a lại da thức.

<sup>25</sup> Hệ phược: trói buộc, chỉ cho phiền não.

自分別現故；  
於諸等引前，  
三摩地行境，  
現彼影像故。  
以所取若無，  
亦無似能取。  
由此亦成立，  
無似能所取。  
然由無始來，  
等起而成立，  
二取悉非有，  
亦善成立故。

Cộng hiện ngoại sở thú,  
Thật tức năng thủ thức.  
Dĩ ly kỳ nội thức,  
Ngoại cảnh nghĩa phi hữu,  
Thị cộng đồng tánh cố.  
Ư dư bất cộng thức,  
Vi sở thú đẳng nghĩa,  
Vị tha tâm đẳng pháp.  
Chư năng thủ thức tiền,  
Canh hồ phi cảnh cố;  
Ư phi đẳng dẫn thì,  
Tự phân biệt hiện cố;  
Ư chư đẳng dẫn tiền,

Tam ma địa hành cảnh,  
Hiện bỉ ảnh tượng cố.  
Dĩ sở thủ nhược vô,  
Diệc vô tự năng thủ.  
Do thử diệc thành lập,  
Vô tự năng sở thủ.  
Nhiên do vô thủy lai,  
Đẳng khởi nhi thành lập,  
Nhị thủ tất phi hữu,  
Diệc thiện thành lập cố.

**Ngoại cảnh sở thủ cùng hiện khởi,  
Thực sự chính là tâm thức năng thủ.  
Tách rời nội thức thì  
Nghĩa ngoại cảnh chẳng có<sup>26</sup>,  
Vì nội thức và ngoại cảnh cùng chung tánh chất.<sup>27</sup>  
Với tâm thức không chung của hữu tình khác,  
Có thể lấy làm các nghĩa sở thủ,  
Đó là các pháp của tha tâm.<sup>28</sup>**

<sup>26</sup> Cảnh giới bên ngoài không tồn tại ngoài tâm thức bên trong.

<sup>27</sup> Nhiếp Đại Thừa Luận có kệ tụng: “Nga quý, bàng sanh, cùng với chư thiên, nhân loại, mỗi loài tùy thích ứng mà sự đồng đẳng nhưng tâm khác biệt, nên tôi cho rằng biến kế là không thật.” (鬼傍生人天, 各隨其所應; 等事心異故, 許義非真實. Quý bàng sanh nhân thiên, các tùy kì sở ứng; đẳng sự tâm dị cố, hứa nghĩa phi chân thật.) Nga quý, bàng sanh, chư thiên, nhân loại, cùng nơi một sự mà sự thấy biết khác nhau: có thật như nước mà con người thấy nước, nga quý thấy máu, chư thiên thấy cung điện. Thật thì sao một mà thấy khác nhau như vậy? Thấy giống nhau thì phải cùng chung tánh chất.

<sup>28</sup> Ở trên nói, sở y cộng là núi, sông, đất đai, cây cối, rừng vườn, trái đất là khí thể giới; và sở y bất cộng là hữu tình giới. Trong hữu tình giới có cái nghĩa “cộng” là 8 loại: thác thai sanh, danh ngôn, v.v., và cái nghĩa “bất cộng” là 9 loại: y, chư liễu biệt, hệ phược, giải thoát, v.v. Cái nghĩa “cộng” của khí thể giới và hữu tình giới, có thể được nhận thức bởi hữu tình khác, gọi là “duy thức sở hiện”. Tâm thức “bất cộng” của một hữu tình có thể làm “sở thủ” của một hữu tình khác, trở thành cái nghĩa cảnh giới sở thủ của hữu tình khác. Khi tâm một người được tâm người khác nhận biết là thể này thể kia, thì tâm đó trở thành cảnh giới sở thủ. Cái “bất cộng” không chỉ là “tha tâm” mà còn là



**Ngoại cảnh của các thức năng thủ  
Đều chẳng phải đối tượng thực hữu.  
Khi là phi đẳng dẫn<sup>29</sup>,  
Thì các thức tự phân biệt mà hiện khởi.  
Khi ở trạng thái đẳng dẫn,  
Đó là sở hành cảnh của tam-ma-địa<sup>30</sup>,  
Hiện khởi những ảnh tượng trong định.  
Vì hiện ảnh tợ của sở thủ không có,  
Cho nên ảnh tợ của năng thủ<sup>31</sup> cũng không có.  
Do đây khéo thành lập rằng:  
Không có ảnh tợ của năng thủ và sở thủ.<sup>32</sup>  
Tuy nhiên, từ vô thủy đến nay,  
Đẳng khởi<sup>33</sup> khéo thành lập,**

---

sự sanh tử, sự trói buộc của phiền não, sự giải thoát khỏi phiền não, đau khổ và hạnh phúc, v.v.. tất cả những điều này có thể làm sở thủ của hữu tình khác. Có rất nhiều thứ có thể được lấy làm sở thủ cho nên mới nói “Vi sở thủ đẳng nghĩa, Vị tha tâm đẳng pháp”.

<sup>29</sup> Tam-ma-hi-đa (三摩呬多): Phạn, Pàli: Samāhita. Hán dịch: Đẳng dẫn (等引), Thắng định (勝定). Chỉ cho thân tâm an hòa bình đẳng do định lực dẫn sinh. Phần vị định do gia hạnh trước dẫn phát, cũng gọi là Tam-ma-hi-đa. Cứ theo Thành duy thức luận thuật ký, quyển 6, phần đầu, và Du già luận lược toàn, quyển 1, thì Tam-ma-hi-đa chỉ có ở định chứ không có ở tán, nhưng thông cả hữu tâm, vô tâm và lấy công đức 5 uẩn hữu lậu, vô lậu làm thể tánh. Lãnh vực của Đẳng dẫn bao gồm: Bốn tĩnh lự, 8 giải thoát, 3 đẳng trì và 5 hiện kiến tam-ma-bát-đề (三摩鉢底). Do đó mà biết rằng phạm vi của Đẳng dẫn (Tam-ma-hi-đa) rộng hơn so với Đẳng chí (等至, Tam-ma-bát-đề). Câu xá luận quang ký, quyển 6 (Đại 41, 124 trung) nói: “Tam-ma-hi-đa, Hán dịch là Đẳng dẫn, thông cả định hữu tâm và vô tâm. Phần nhiều có trong định hữu tâm nhưng không có ở tán, nếu gọi định hữu tâm là Đẳng dẫn, thì tâm lia hôn trầm, điều cử, gọi là Đẳng, có năng lực dẫn khởi định này gọi là Dẫn, đây là theo gia hạnh mà đặt tên. Cũng giải thích là định lia hôn trầm, điều cử, gọi là Đẳng, thường dẫn khởi thân tâm bình đẳng, gọi là Dẫn. Nếu gọi định vô tâm là Đẳng dẫn thì lại có 2 cách giải thích, cứ theo như định hữu tâm mà giải thích, chỉ có khác chữ vô tâm.” Căn cứ vào sự giải thích trên đây thì Đẳng dẫn có 3 nghĩa: 1. Xa lia hôn trầm, điều cử; 2. Thường dẫn khởi bình đẳng; 3. Dẫn phát ra phương tiện bình đẳng. Phi đẳng dẫn: tức là một trạng thái tâm, hoặc là hôn muội thụy miên, hoặc là tán loạn, trạo cử; khi tâm chưa đạt được trạng thái đẳng dẫn thì được gọi là phi đẳng dẫn.

<sup>30</sup> Đẳng dẫn (Tam-ma-hi-đa) là trạng thái đã được tập trung, trong khi tam-ma-địa hay định là chỉ cho sự tập trung.

<sup>31</sup> Khi nhân thức duyên sắc, nó mang trên nó đặc tánh tương tợ sắc. Chính hành tướng ấy được gọi là tợ tự thức.

<sup>32</sup> Luận Thành Duy Thức: “Tự tánh của cái biến kế là gì? Có giải thích nói, đó là tám thức và các tâm sở, thuộc hữu lậu, thấy đều là cái biến kế. Vì tự tính của nó là sự phân biệt hư vọng. Vì nó xuất hiện như là ảnh tợ của sở thủ và năng thủ. Và vì nói rằng a-lại-da lấy chủng tử của tự tính bị biến kế sở chấp làm đối tượng sở duyên. ... Vì tâm hữu lậu v.v. không chứng thật lý, tất cả đều được gọi là phân biệt hư vọng.” (Tuệ Sỹ dịch và chú)

**Cho nên năng thủ và sở thủ vốn phi hữu<sup>34</sup>,  
Cũng khéo thành lập.**

### 3. Biện Niết bàn

#### (1) Trình bày

由六相悟入，  
法性為無上：  
謂相、與依處，  
抉擇、及觸證，  
隨念、并悟入，  
到達彼自性。

Do lục tướng ngộ nhập,  
Pháp tánh vi vô thượng:  
Vị tướng dữ y xứ,  
Quyết trạch cập xúc chứng,  
Tùy niệm tịnh ngộ nhập,  
Đáo đạt bỉ tự tánh.

**Do sáu tướng ngộ nhập,  
Pháp tánh là vô thượng:  
Đó là tướng và y xứ,  
Quyết trạch và xúc chứng,**

---

<sup>33</sup> Đẳng khởi (等起, Skt. samutthāna): bình đẳng mà khởi; động lực thúc đẩy cho một tự thể hay tự ngã thực sự xuất hiện. Cái mà do bởi đó tự ngã hay tự thể xuất hiện, cái đó là sự tập khởi do đẳng khởi hay động lực phát khởi; động lực đó là nghiệp và phiền não, thuộc tự tánh y tha khởi.

<sup>34</sup> Phi hữu hay phi thực: chỉ các thức không thuộc hữu tánh (sattā) tức không tồn tại.

**Tùy niệm và ngộ nhập,  
Đạt đến tự tánh ấy.**

(2) Biệt thích

(a) Tướng

相如略標說。

Tướng như lược tiêu thuyết.

**Tướng như đã lược nói bày.**

(b) Y xứ

處謂一切法，

及一切經等。

Xứ vị nhất thiết pháp,

Cập nhất thiết kinh đấng.

**Xứ là tất cả pháp,**

**Và tất cả kệ kinh, v.v<sup>35</sup>.**

---

<sup>35</sup> Mười hai phần giáo: thể văn và sự lý trong tất cả các kinh chia ra 12 loại (bộ = bộ phận, hay chi = thành phần), mà có bộ hay cuốn kinh đủ cả 12 loại, có bộ hay cuốn chỉ là 1 loại cho đến 11 loại, đó là: 1. Tu đa la (Sutra = kệ kinh, vì kệ hợp chân lý và tâm lý) là thể văn trường hàng trong các kinh, nói thẳng pháp nghĩa; 2. Kỳ dạ (Geya = ứng tụng hay trùng tụng) là thể văn chỉnh cú ứng với văn trường hàng mà lặp lại pháp nghĩa ở trước; 3. Già đà (Gatha = phúng tụng hay cô khởi) là thể văn chỉnh cú không theo trường hàng mà tự nói pháp nghĩa; 4. Ni đà na (Nidana = nhân duyên) là thuật lại lý do thấy Phật nghe pháp, lý do và địa điểm Phật thuyết pháp giáo hoá; 5. Y đế mục đà (Itivutaka = bản sự) là Phật thuật lại nhân duyên quá khứ của đệ tử; 6. Xà đà già (Jataka = bản sanh) là Phật nói về nhân duyên quá khứ của ngài; 7. A phù đạt ma (Adbhutadharma = vị tăng hữu) là ghi lại những việc bất tư nghị của thần lực Phật thị hiện; 8. A ba đà na (Avadana = thí dụ) là nói những ví dụ; 9. Ưu bà đề xá (Upadesa = luận nghĩa) là vấn đáp thảo luận về pháp nghĩa; 10. Ưu đà na (Udana = tự thuyết) là Phật tự nói chứ không ai hỏi được; 11. Tỳ phạt lược (Vaipulya = phương quảng) nói về chân lý chính xác và rộng lớn; 12. Hoà già la (Vyakarana = thọ ký) thọ ký thành Phật cho bồ tát. Tựu trung, 3 loại đầu là chia theo thể văn, 9 loại sau là chia theo sự lý của thể văn ấy.

### (c) Quyết trạch

其中抉擇者，  
謂依大乘經，  
如理作意攝，  
一切加行道。

Kỳ trung quyết trạch giả,  
Vị y đại thừa kinh,  
Nhu lý tác ý nhiếp,  
Nhất thiết gia hành đạo.

**Trong đó [trí] quyết trạch là,  
Nương tựa kinh Đại thừa,  
Nhu lý tác ý<sup>36</sup> nhiếp,  
Tất cả Gia hành đạo<sup>37</sup>.**

<sup>36</sup> Như lý tác ý (Yoniso manasikāra) là trạch pháp, thẩm sát pháp, một trong Bảy giác chi. Trạch pháp là “sự tìm kiếm, thăm sát, xem xét kỹ lưỡng, để có tuệ giác hay sự hiểu biết sâu sắc về những điều kiện bên trong tự thân... và những điều kiện bên ngoài.” Kinh Giải Thâm Mật nói: “Đại Bồ tát Từ thị lại thừa Phật: bạch đức Thế tôn, như đức Thế tôn nói chỉ quán vin vào pháp riêng biệt, lại nói chỉ quán vin vào pháp tổng quát, vậy chỉ quán vin pháp riêng biệt là thế nào, chỉ quán vin pháp tổng quát là thế nào? Đức Thế tôn dạy đại Bồ tát Từ thị: Thiện nam tử, nếu Bồ tát vin vào mỗi pháp khế kinh cho đến luận nghị, đúng như pháp đã tiếp nhận và tư duy mà tu chỉ quán, thì gọi là chỉ quán vin pháp riêng biệt; nếu Bồ tát vin vào các pháp khế kinh cho đến luận nghị, tập hợp lại làm một viên một cục một phần một khối, tác ý tư duy các pháp ấy (bằng cách) tùy thuận chân như, xu hướng chân như, đi vào chân như, tùy thuận Bồ đề, tùy thuận niết bàn, tùy thuận chuyển y, xu hướng các pháp này, đi vào các pháp này, từ các pháp này thuyết ra vô lượng vô số thiện pháp, tư duy như vậy mà tu chỉ quán thì gọi là chỉ quán vin pháp tổng quát.” [H.T Thích Trí Quang dịch giải]

<sup>37</sup> Ngũ đạo (s: Pañca-mārga), cũng được gọi là Duy thức tu đạo ngũ vị; song song với Thập địa là con đường tu học của một vị Bồ tát với năm giai đoạn, được Đại sư Vô Trước (Asaṅga) đề xướng: 1. Tư lương đạo (資糧道; Saṃbhāra-mārga), tức là tích trữ tư lương Phật đạo, trì giới, nhiếp căn, tu tập Chỉ quán; 2. Gia hành đạo (加行道; Prayoga-mārga), ở đây có nghĩa là chuẩn bị, tu tập như trên để những thiện căn vững chắc, trở thành thiện căn bản (kuśalamūla); 3. Kiến đạo (見道; Darśana-mārga), cũng được gọi là Thông đạt đạo; 4. Tu tập đạo (修習道; Bhāvanā-mārga), thực hành 37 Bồ-đề phân; 5. Vô học đạo (無學道; Aśaikṣa-mārga), có nghĩa là đến bờ bên kia, không còn gì để học, cũng được gọi là Cứu kính đạo (究竟道; Niṣṭhāmārga), tức là đạo tột cùng, đạo tuyệt đối đoạn hoặc, chứng ngộ chân lý; Các phép tu hành của mỗi giai đoạn trên được trình bày khác nhau trong Thanh văn thừa

(d) Xúc chứng

觸為得正見，  
故以真見道，  
現前得真如，  
所以親領受。

Xúc vi đắc chánh kiến,  
Cố dĩ chân kiến đạo,  
Hiện tiền đắc chân như,  
Sở dĩ thân lãnh thọ.

**Xúc chứng là có được chánh kiến,  
[Qua gia hành hiện lượng]  
Cho nên là chân kiến đạo<sup>38</sup>,**

---

(s: Śrāvakayāna), Độc giác thừa (Pratyekabuddhayāna) và Bồ tát thừa (Bodhisattvayāna). Trong Bồ tát thừa thì Kiến đạo mới là bước đầu của Bồ tát Thập địa. Mặc dù có mang tên là Duy thức tu đạo ngũ vị nhưng ngũ đạo được áp dụng trong tất cả các tông phái Phật giáo Đại thừa. Tại Tây Tạng, Ngũ đạo được nhắc đến nhiều trong các tác phẩm mang tên Bồ đề đạo thứ đệ luận.

<sup>38</sup> Kiến đạo: Bằng sự gia hành không gián đoạn, khi trí này phát sinh, chân như được thể hội, giai đoạn này được gọi là thông đạt vị. Vì lần đầu tiên soi chiếu chân lý, nên cũng được gọi là kiến đạo. Tuy nhiên, tóm tắt mà nói, kiến đạo ở đây có hai:

a. Chân kiến đạo, tức vô phân biệt trí như đã được đề cập. Bằng trí này mà thật chứng chân lý được hiển thị bởi hai không, thật sự đoạn trừ tùy miên của hai chướng thuộc loại phân biệt. Tuy trải qua nhiều sát-na thì sự mới cứu cánh, nhưng các đặc tính đều đồng đẳng do nó gọi chung là một tâm.

Có giải thích nói trong đây hai không được tiêm chứng và hai chướng được tiêm đoạn, vì có sự khác biệt về sâu và cạn, thô và tế.

Giải thích khác nói, trong đây, hai không và hai hai chướng đều được đốn chứng và đốn đoạn, vì do ảnh hưởng bởi ý lạc mà có sự kham năng.

b. Tướng kiến đạo. Ở đây lại có hai:

i. Phi an lập đế: Quán chân đế phi an lập có ba phẩm tâm: (1) Bằng duyên trí nội tại loại trừ hữu tình giả mà đoạn trừ các tùy miên phân biệt thuộc tầm yếu. (2) Bằng duyên trí nội tại loại trừ pháp giả mà đoạn trừ tùy phiền não phân biệt thuộc tầm trung. (3) Phổ biến bằng duyên trí loại trừ cả hữu tình và pháp giả mà đoạn trừ tất cả tùy miên thuộc loại phân biệt.

Hai trí đầu gọi là pháp trí, vì duyên đến đối tượng riêng rẽ. Trí thứ ba được gọi là loại trí, vì duyên tổng hợp. Pháp chân kiến đạo được thiết lập y trên biệt và tổng của vô gián đạo và giải thoát đạo đối với các chướng bị đoạn trừ của nó thuộc kiến phần của hai không, gọi là tướng kiến đạo.

**Hiện tiền<sup>39</sup> đăc chân như,  
Bởi vì tự thân chứng nghiệm và lãnh thọ.**

(e) Tùy niệm

隨念謂修道，  
為除諸垢故，  
於前所見義，  
菩提分所攝。

Tùy niệm vị tu đạo,  
Vị trừ chur cấu cố,  
Ư tiên sở kiến nghĩa,  
Bồ đề phần sở nhiếp.

**Tùy niệm<sup>40</sup> là giai đoạn Tu đạo,**

---

Có giải thích nói ba tâm này đều chân kiến đạo, vi tướng kiến đạo duyên đến bốn Thánh đế.

Giải thích khác nói, cả ba đều là tướng kiến đạo, vi trong chân kiến đạo không có sự duyên đến các hành tướng riêng biệt.

ii. An lập đế.

Duyên an lập đế làm đối tượng có mười sáu tâm. Ở đây lại có hai:

(a) Một là, y quán sở thủ và năng thủ, cá biệt lập thành pháp và loại gồm mười sáu tâm. Tức là, ở nơi khổ đế có bốn tâm: (1) Khô pháp trí nhãn, quán chân như của khổ đế trong ba giới, chính thức đoạn trừ 28 loại tùy miên phân biệt thuộc loại bị đoạn trừ khi thấy khổ. (2) Khô pháp trí, nhãn trực tiếp không gián cách, quán chân như trước đó, chứng nghiệm sự giải thoát do đoạn trừ phiền não nói trước đó. (3) Khô loại trí nhãn, trí vô gián tuệ vô lậu phát sinh, nội thân chứng nghiệm cá biệt nơi pháp nhãn trí, tức phần theo sau này cũng là loại tợ của Thánh pháp. (4) Khô loại trí, tiếp theo đó vô gián phát sinh trí vô lậu, thâm định ấn khả khổ loại trí nhãn.

Ở trong khổ đế có bốn tâm, trong tập, diệt và đạo, nên biết, cũng như vậy.

Trong mười sáu tâm này, tám quán chân như, tám quán chính trí. Pháp chân kiến đạo được thiết lập y trên sự sai biệt của kiến và chứng phần với vô gián đạo và giải thoát đạo, được gọi là tướng kiến đạo.

(b) Thứ hai, y quán cảnh chân đế hạ giới và thượng giới lập pháp và loại với mười sáu tâm. Tức là, quán bốn chân đế, từ khổ, thuộc giới hệ hiện tiền và không hiện tiền, mỗi đế có hai tâm: hiện quán nhãn, và hiện quán trí. Tùy theo sự thích hợp, hiện quán Thánh đế với kiến phần của vô gián, giải thoát, trong pháp chân kiến đạo. Đoạn trừ 128 tùy miên phân biệt thuộc loại bị đoạn trừ trong kiến đạo, gọi là tướng kiến đạo. [Trích Luận Thành Duy Thức – Tuệ Sỹ dịch chú]

<sup>39</sup> Hiện tiền = hiện quán.

<sup>40</sup> Tùy niệm: là tùy thuận hệ niệm (隨順繫念).

**Vì đã đoạn trừ chur cấu<sup>41</sup>,  
Đối với các nghĩa<sup>42</sup> đã thấy biết ở trước<sup>43</sup>,  
Các pháp bồ đề phần<sup>44</sup> được nhiếp<sup>45</sup>.**

<sup>41</sup> Chur cấu là chỉ cho ba sự tạp nhiễm khắp cả ba cõi: hoặc tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sanh tạp nhiễm.

<sup>42</sup> Ở trên, y xứ đề ngộ nhập là “tất cả các pháp” và “mười hai phần giáo” (cũng là pháp). Pháp thì có cái nghĩa của pháp hay nghĩa lý của giáo pháp, thường gọi là pháp và nghĩa.

Nhiếp Luận nói: “Vị trí nào ngộ nhập được? Là chính cái ý thức mà kiến phần có cái ấn tượng tương tự pháp và nghĩa của đại thừa, do pháp và nghĩa của đại thừa đẳng lưu sinh ra, (cái ý thức ấy) trải qua địa vị giải hành, địa vị kiến đạo, địa vị tu đạo và địa vị cứu cánh, đối với đạo lý các pháp duy thức nó thắng giải theo đa văn, thông suốt rất đúng lý, đối trị các chướng ngại, thoát ly các chướng ngại.” “Do cái gì và làm thế nào để được ngộ nhập? Do cái ý thức thuộc chủng loại đa văn huân tập và thuộc về tác ý đúng lý, mà kiến phần của nó có cái ấn tượng tương tự pháp và nghĩa, (do cái ý thức ấy mà phân thành bốn tâm tư và bốn thật trí). Bốn tâm tư là suy tìm chỉ là giả thiết về danh, nghĩa, tự tánh, sai biệt. Bốn thật trí là biết chắc chỉ là giả thiết về danh, nghĩa, tự tánh, sai biệt. Cả bốn tâm tư và bốn thật trí như vậy đồng là không thể thủ đắc. Chư vị bồ tát muốn ngộ nhập duy thức một cách đúng như sự thật, nên nỗ lực mà tu - tức là đem cái ý thức có cái ấn tượng tương tự về danh và nghĩa mà suy tìm danh chỉ là ý thức, suy tìm nghĩa dựa vào danh cũng chỉ là ý thức, suy tìm tự tánh và sai biệt của danh và nghĩa cũng chỉ là giả thiết. Bao giờ chứng được chỉ là ý thức, thì bấy giờ chứng biết danh, nghĩa, tự tánh, sai biệt, toàn là không thật, đồng là không thể thủ đắc. Như vậy, do bốn tâm tư và do bốn thật trí mà chính nơi cái ý thức có ấn tượng tương tự danh và nghĩa mà ngộ nhập được đạo lý duy thức.” [H.T Thích Trí Quang dịch giải]

Kinh Giải Thâm Mật: “Thiện nam tử, các vị Bồ tát ấy do mười sự sau đây mà biết về nghĩa: một là biết tánh tận hữu, hai là biết tánh như hữu, ba là biết nghĩa năng thủ, bốn là biết nghĩa sở thủ, năm là biết nghĩa dụng nên, sáu là biết nghĩa hưởng dụng, bảy là biết nghĩa đảo ngược, tám là biết nghĩa không ngược, chín là biết nghĩa tạp nhiễm, mười là biết nghĩa thanh tịnh. (Một), tánh tận hữu là biên cương tất cả chủng loại của các pháp nhiễm tịnh, biên cương ấy gọi là tánh tận hữu, tức năm số về uẩn, sáu số về nội xứ, sáu số về ngoại xứ, những pháp số đại loại như vậy. (Hai), tánh như hữu là chân như nơi các pháp nhiễm tịnh, chân như ấy gọi là tánh như hữu. Chân như ấy có bảy: một là chân như nơi sự lưu chuyển, tức cái tánh không mở đầu không chấm hết của các hành; hai là chân như nơi các tướng, tức cái tánh nhân vô ngã và pháp vô ngã của các pháp; ba là chân như nơi sự liễu biệt, tức cái tánh duy thức của các hành; bốn là chân như nơi sự an lập, tức thánh đế về khổ mà Như lai nói; năm là chân như nơi sự tà hành, tức thánh đế về tập mà Như lai nói; sáu là chân như nơi sự thanh tịnh, tức thánh đế về diệt mà Như lai nói; bảy là chân như nơi sự chánh hành, tức thánh đế về đạo mà Như lai nói. Nên biết trong đây do chân như nơi sự lưu chuyển, nơi sự an lập và nơi sự tà hành nên tất cả chúng sinh rất là bình đẳng; do chân như nơi các tướng và nơi sự liễu biệt nên tất cả các pháp rất là bình đẳng; do chân như nơi sự thanh tịnh nên Thanh văn bồ đề, Độc giác bồ đề và Vô thượng bồ đề rất là bình đẳng; do chân như nơi sự chánh hành nên cái tuệ của chi quán siêu việt vin vào pháp tổng quát, sau khi nghe giáo pháp, rất là bình đẳng. (Ba), nghĩa năng thủ là năm sắc xứ ở trong (92), là tâm ý thức và các tâm sở. (Bốn), nghĩa sở thủ là sáu xứ ở ngoài, và những nghĩa năng thủ cũng là nghĩa sở thủ. (Năm), nghĩa dụng nên là giới thể giới, trong giới thể giới này có thể dụng nên giới chúng sinh, tức ruộng đất một thôn, trăm, ngàn hay trăm ngàn ruộng đất thôn ấy; hoặc một lục địa giới hạn bởi đại dương, trăm, ngàn hay trăm ngàn lục địa ấy; hoặc một đại lục Thiệm bộ, trăm, ngàn hay trăm ngàn đại lục ấy; hoặc một bốn đại lục, trăm, ngàn hay trăm ngàn bốn đại lục ấy; hoặc một thế giới ngàn nhỏ, trăm, ngàn hay trăm ngàn thế giới ngàn nhỏ ấy; hoặc một thế giới ngàn vừa, trăm, ngàn hay trăm ngàn thế giới ngàn vừa ấy; hoặc một thế giới ngàn lớn, trăm, ngàn hay trăm ngàn thế giới ngàn lớn ấy; hoặc một ức, trăm, ngàn hay trăm ngàn ức thế giới ngàn lớn ấy; hoặc một vô số, trăm, ngàn hay trăm ngàn vô số thế giới ngàn lớn ấy; hoặc (tại một phương hướng), thế giới ngàn lớn ấy nhiều đến vô số mà có cả trăm ngàn lần, hay nhiều như số lượng vi trần; và ở khắp mười phương hướng có vô lượng vô số những giới thể giới như vậy. (Sáu), nghĩa hưởng dụng là đồ dùng của chúng sinh thu thập (95) mà Như lai đã nói. (Bảy), nghĩa đảo ngược là đối với những sự từ nghĩa năng thủ sắp đi trên đây mà tướng thác loạn tâm thức loạn và thấy thác loạn cho vô thường là thường, tướng thác loạn tâm thức loạn và thấy thác loạn cho khổ là vui, cho bất tịnh là tịnh, cho vô ngã là ngã. (Tám), nghĩa không ngược thì nên biết là mâu thuẫn với những sự đảo ngược ở trên, có sức đối trị những sự đảo ngược ấy. (Chín), nghĩa tạp nhiễm là ba sự tạp nhiễm khắp cả ba cõi: một là hoặc tạp nhiễm, hai là nghiệp tạp nhiễm, ba là sinh tạp nhiễm. (Mười) nghĩa thanh tịnh là những pháp bồ đề phần có sức cởi mở sự thất bại của ba sự tạp nhiễm nói trên. Mười sự như trên đây, nên biết đã bao quát tất cả các nghĩa.” [H.T Thích Trí Quang dịch giải]

<sup>43</sup> Tức ở giai đoạn chân kiến đạo.

(f) Tự tánh

悟達彼自性，  
謂真如無垢，  
一切唯真如；  
顯現彼即是，  
轉依圓成實。

Ngộ đạt bỉ tự tánh,  
Vị chân như vô cấu,  
Nhất thiết duy chân như;  
Hiển hiện bỉ tức thị,  
Chuyển y viên thành thật.

**Ngộ đạt tự tánh của các pháp,  
Là chân như vô cấu,**

---

<sup>44</sup> Các pháp Bồ đề phần gồm có 37 Bồ đề phần, 6 ba la mật, tam ma địa, đà la ni, tất cả pháp môn, có khả năng cởi mở sự thất buộc của ba sự tạp nhiễm: hoặc tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sanh tạp nhiễm.

<sup>45</sup> Các pháp Bồ đề phần là nhân biến tri. Kinh Giải Thâm Mật: “Thiện nam tử, các vị Bồ tát ấy lại còn do biết năm sự sau đây nên gọi là biết về nghĩa. Năm sự ấy là những gì, một là sự biến tri, hai là nghĩa biến tri, ba là nhân biến tri, bốn là quả biến tri, năm là biết sự ấy. (Một), sự biến tri thì nên hiểu là tất cả pháp sở tri, tức các uẩn, các nội xứ, các ngoại xứ, những sự như vậy. (Hai), nghĩa biến tri là bao nhiêu phẩm loại khác nhau mà cần biết về sự ở trên, tức hoặc thể tục đế với thắng nghĩa đế; hoặc công đức với lỗi lầm; hoặc duyên tố với thì gian; hoặc sinh, trú và diệt; hoặc như bệnh tật, (như ung thối, như trúng tên, như đau đốn); hoặc khổ, tập, diệt, đạo; hoặc chân như, thật tế, pháp giới, và những danh hiệu cùng loại; hoặc phong phú với khái quát; hoặc bốn cách phán quyết là quyết định, phân tách, hỏi lại và lặng bỏ; hoặc ẩn mật với minh bạch; những pháp như vậy nên biết là nghĩa biến tri. (Ba), nhân biến tri là những pháp Bồ đề phần có sức thủ đắc hai loại biến tri ở trên, tức bốn niệm trú, bốn chánh đoạn, và những pháp số cùng loại. (Bốn), quả biến tri là các sa môn quả đã tạm diệt tham sân si và vĩnh diệt tham sân si, cùng với những công đức chứng sa môn quả mà Như lai đã nói, tức những công đức cộng hữu hay đặc hữu mà bao gồm cả thế gian và xuất thế của Thanh văn và của Như lai. (Năm), biết sự ấy là chính những công đức chứng sa môn quả nói trên, các trí giải thoát khai thị và tuyên dương phong phú cho người. Năm sự như trên nên biết cũng bao quát tất cả các nghĩa.” [H.T Thích Trí Quang dịch giải]



**Tất cả chỉ là chân như<sup>46</sup>;  
Chân như được hiển lộ tức là,  
Chuyên y<sup>47</sup> viên thành thật<sup>48</sup>.**

B. Đặc thù của Chuyên y để hiểu rõ nghĩa Đại thừa

III. Pháp Thuyết

1. Tổng nêu

由十相悟入，  
轉依為無上：  
入性、物、數取，  
別、所為、依住，  
作意及加行，  
過患并功德。

Do thập tướng ngộ nhập,  
Chuyên y vi vô thượng:  
Nhập tánh, vật, số thủ,  
Biệt, sở vi, y trụ,

---

<sup>46</sup> Chân như: là nghĩa vô sai biệt, nghĩa là các pháp do tất cả nhân duyên tạo thành nên có các sắc thái khác nhau, nhưng chỉ có tự tánh Không của các pháp không có sai biệt, nên gọi là như.

<sup>47</sup> Chuyên y là chuyên bỏ 2 trọng chướng (phiền não chướng và sở tri chướng) mà chuyển được 2 đại quả là: đại niết bàn và đại bồ đề. Chuyên y là (1) chuyên diệt y tha thuộc phần tạp nhiễm chướng ngại, tức vĩnh viễn đoạn trừ chủng tử của hai chướng phiền não và sở tri, và (2) chuyên đắc y tha thuộc phần thanh tịnh, giải thoát chướng ngại, tự tại với pháp, tức thành tựu bạch pháp cực kỳ thanh tịnh. Kinh Giải thâm mật nói: “Bồ tát do đúng như sự thật mà nhận biết sự vô tướng, sự tạp nhiễm và sự thanh tịnh. Đúng như sự thật mà nhận biết sự vô tướng nên hủy diệt sự tạp nhiễm, hủy diệt sự tạp nhiễm nên chứng đắc sự thanh tịnh: ngang đây gọi là vị Bồ tát khéo biết tánh của các pháp”. [H.T Thích Trí Quang dịch giải]

<sup>48</sup> Kinh Giải Thâm Mật nói: “Viên thành thật tánh là thế nào, là chân như nhất quán của các pháp, chân như mà Bồ tát phải do các duyên tố tinh tiến dũng mãnh, tác ý đúng lý và tư duy không ngược mới thông đạt, bằng vào sự thông đạt này mà tuần tự tu tập, cho đến vô thượng chánh biến giác mới chứng ngộ viên mãn.”

Tác ý cập gia hành,  
Quá hoạn tịnh công đức.

**Do mười tướng ngộ nhập,  
Chuyển y là vô thượng:  
Ngộ nhập tự tánh, vật thể, số thủ thú,  
Sai biệt, sở vi, sở y trú,  
Tác ý và gia hành,  
Lỗi lầm và công đức.**

## 2. Biệt thích

### (1) Ngộ nhập Tự tánh

其悟入自性：  
謂客塵諸垢，  
及與真如性；  
不現及現義，  
即無垢真如。

Kỳ ngộ nhập tự tánh:  
Vị khách trần chư cấu,  
Cập dữ chân như tánh;  
Bất hiện cập hiện nghĩa,  
Tức vô cấu chân như.

**Sự ngộ nhập tự tánh<sup>49</sup>;  
Là chư cấu khách trần<sup>50</sup>,  
Cùng với chân như tánh;  
Nghĩa bất hiển lộ và hiển lộ<sup>51</sup>,  
Tức vô cấu chân như<sup>52</sup>.**

## (2) Ngộ nhập Vật thể

悟入物體者：  
謂共器界識，  
真如性轉依；  
及契經法界，

---

<sup>49</sup> Tự tánh của các pháp được gọi là tánh như hữu. Kinh Giải Thâm Mật nói: “Tánh như hữu là chân như nơi các pháp nhiệm tịnh; chân như ấy gọi là tánh như hữu. Chân như ấy có bảy: một là chân như nơi sự lưu chuyển, tức cái tánh không mở đầu không chấm hết của các hành; hai là chân như nơi các tướng, tức cái tánh nhân vô ngã và pháp vô ngã của các pháp; ba là chân như nơi sự liễu biệt, tức cái tánh duy thức của các hành; bốn là chân như nơi sự an lập, tức thánh đế về khổ mà Như lai nói; năm là chân như nơi sự tà hành, tức thánh đế về tập mà Như lai nói; sáu là chân như nơi sự thanh tịnh, tức thánh đế về diệt mà Như lai nói; bảy là chân như nơi sự chánh hành, tức thánh đế về đạo mà Như lai nói. Nên biết trong đây do chân như nơi sự lưu chuyển, nơi sự an lập và nơi sự tà hành nên tất cả chúng sinh rất là bình đẳng; do chân như nơi các tướng và nơi sự liễu biệt nên tất cả các pháp rất là bình đẳng; do chân như nơi sự thanh tịnh nên Thanh văn bồ đề, Độc giác bồ đề và Vô thượng bồ đề rất là bình đẳng; do chân như nơi sự chánh hành nên cái tuệ của chỉ quán siêu việt vin vào pháp tổng quát, sau khi nghe giáo pháp, rất là bình đẳng.” (H.T Thích Trí Quang dịch giải)

<sup>50</sup> Đối với chân như bản tịnh mà gọi chư cấu là khách trần.

<sup>51</sup> Khi còn biến kế chấp tánh thì chân như không hiển lộ, ngược lại là chân như được hiển lộ. Kinh Giải Thâm Mật nói: “Theo ý nghĩa của đức Thế tôn nói mà con tiếp nhận lý giải, thì chính nơi các hành của phân biệt biết đến và biến kế dựa vào mà (thấy) biến kế chấp tánh không thật có: cái tánh không thật có biến kế chấp tánh này, tức chân như do pháp vô ngã hiển lộ và là thanh tịnh sở duyên này, gọi là viên thành thật tánh.” [H.T Thích Trí Quang dịch giải] Pháp Bảo Đàn Kinh ghi: “Thiền sư Hoài Nhượng quê ở Kim Châu, con nhà họ Đỗ, ban đầu đến yết kiến Quốc sư An ở Tung Sơn. Quốc sư An mới khuyến khích Sư đến Tào Khê tham vấn. Khi Ngài đến lễ bái Tổ, Tổ hỏi: Ở đâu lại? Ngài thưa: Ở Tung Sơn. Tổ bảo: Đem được vật gì lại? Ngài thưa: Nói giống một vật tức chẳng trúng. Tổ bảo: Lại có tu chứng chăng? Ngài thưa: Tu chứng tức chẳng không, nhiễm ô tức chẳng được (修證即不無, 污染即不得). Tu chứng tức bất vô, nhiễm ô tức bất đắc). Tổ bảo: Chỉ cái chẳng nhiễm ô này là chỗ chư Phật hộ niệm; ông đã như thế, ta cũng như thế. Tây thiên tổ Bát-nhã Đa-la sám rằng: Dưới chân ông có một con ngựa tơ đạp chết người trong thiên hạ, ứng ở nơi tâm ông, không cần phải nói ra. Ngài Hoài Nhượng hoá nhiên khế hội.” (H.T Thích Thanh Từ dịch)

<sup>52</sup> Tự tánh chân như của chư Phật gọi là Vô cấu chân như, hay Xuất trần chân như. Còn tự tánh chân như của chúng sanh, vì bị phiền não làm cho nhớ bản, cho nên gọi là hữu cấu chân như, hoặc Tại trần chân như.

真如性轉依；  
并諸非所共，  
有情界內識，  
真如性轉依。

Ngộ nhập vật thể giả:  
Vị cộng khí giới thức,  
Chân như tánh chuyển y;  
Cập khế kinh pháp giới,  
Chân như tánh chuyển y;  
Tịnh chư phi sở cộng,  
Hữu tình giới nội thức,  
Chân như tánh chuyển y.

**Ngộ nhập vật thể:**  
**Cái biết chung gồm khí thể giới,**  
**Chân như tánh<sup>53</sup> chuyển y;**  
**Và khế kinh, pháp giới,**  
**Chân như tánh chuyển y;**

---

<sup>53</sup> Luận Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh, phẩm Công Đức, nói: "Bảy thứ sai biệt là bảy chân như: 1. Chân như nơi luân chuyển; 2. Chân như nơi không tướng; 3. Chân như nơi duy thức; 4. Chân như nơi y chỉ; 5. Chân như nơi tà hạnh; 6. Chân như nơi thanh tịnh; 7. Chân như nơi chánh hạnh.

Chân như nơi luân chuyển là đường sanh tử, tức là tâm và tâm pháp trong ba cõi. Tâm và tâm pháp ấy từ sự phân biệt mà sanh khởi. Sự phân biệt ấy từ nhân duyên mà sanh khởi, không phải từ Tự tại thiên sanh khởi, không phải từ các nguyên nhân khác sanh khởi, cũng không phải không có nguyên nhân sanh khởi. Cảnh giới của sự phân biệt vốn là tánh không, cho nên trong tất cả thời gian chỉ có hai tánh luân chuyển là tánh phân biệt và tánh y tha. Chân như nơi không tướng là pháp vô ngã, nghĩa là tất cả các pháp đồng nhất với tánh không của chân như, lấy tánh không ấy làm thật tánh. Chân như nơi duy thức là trí vô phân biệt. Chân như nơi y chỉ là khổ đế. Khổ đế có hai thứ: 1. Khí thể gian; 2. Chúng sanh thế gian. Chân như nơi tà hạnh là tập đế. Tập đế tức là ái. Chân như nơi thanh tịnh là diệt đế. Diệt đế có hai thứ: 1. Thanh tịnh phiền não chướng; 2. Thanh tịnh trí chướng. Chân như nơi chánh hạnh là đạo đế.

Bảy chân như này được gọi là giả danh thiết lập bốn đế. Ở đây nên biết, ba thứ chân như thuộc về hai tánh phân biệt và y tha là: chân như nơi luân chuyển, chân như nơi y chỉ và chân như nơi tà hạnh; bốn thứ chân như thuộc về tánh chân thật là: chân như nơi không tướng, chân như nơi duy thức, chân như nơi thanh tịnh và chân như nơi chánh hạnh. Những gì thuộc về hai tánh phân biệt và y tha là tục đế. Những gì thuộc về tánh chân thật là chân đế."

Và cái biết không chung,  
Là nội thức của hữu tình giới,  
Chân như tánh chuyển y.<sup>54</sup>

(3) Ngộ nhập Số thủ thú

悟入數取趣：  
初二謂諸佛，  
及諸菩薩眾，  
真如性轉依；  
後亦通聲聞，  
及諸獨覺者。

Ngộ nhập số thủ thú:  
Sơ nhị vị chư phật,  
Cập chư bồ tát chúng,  
Chân như tánh chuyển y;  
Hậu diệc thông thanh văn,  
Cập chư độc giác giả.

**Ngộ nhập số thủ thú<sup>55</sup>:**

---

<sup>54</sup> Đại sư Thích Trí Quang nói: “Cái biết của chúng ta có nhận thức, có đối tượng. Ở đây nhận thức là đối tượng hóa nhận thức, cũng như đối tượng là nhận thức hóa đối tượng. Như thế mới là biết. Và như thế gọi là duy thức.” Ở trên đã trình bày, pháp sanh tử làm sở y, có cộng sở y và bất cộng sở y. Pháp tánh niết bàn làm y xứ, là tất cả pháp và mười hai phần giáo. Khí thể giới thức là cộng sở y của pháp sanh tử. Hữu tình giới nội thức là bất cộng sở y của pháp sanh tử. Khế kinh pháp giới là y xứ của pháp tánh niết bàn. Những cái biết này toàn liên hệ với thức, nên gọi là duy thức. Sanh tử là phần tạp nhiễm nơi y tha, niết bàn là phần thanh tịnh nơi y tha, y xứ của hai phần là y tha. Chuyển y là chính y tha khi nổi lên sự đối trị thì chuyển bỏ phần tạp nhiễm mà chuyển được phần thanh tịnh. Tánh như hữu là cái tánh đúng như cái thật của sự hiện hữu. Nhiếp luận nói: “Tánh như hữu là chân như nơi các pháp nhiễm tịnh, chân như ấy gọi là tánh như hữu.”

**Hai chuyển y đầu tiên,  
Là chư Phật, chư Bồ tát chúng<sup>56</sup>,  
Chân như tánh chuyển y;  
Chuyển y sau thông với,  
Thanh văn<sup>57</sup> và các Độc giác.**

#### (4) Ngộ nhập Sai biệt

悟入差別者：  
謂諸佛菩薩，  
嚴淨土差別，  
及得智法身，  
報身、并化身，  
能普見、教授，  
自在成差別。

Ngộ nhập sai biệt giả:

Vị chư Phật Bồ tát,

---

<sup>55</sup> Đại phẩm bát nhã, quyển 2 (La thập, T8n223, tr.230c11), có 16 biệt danh của ngã: chúng sinh, thọ giả, mạng giả, sinh giả, dưỡng dục giả, chúng số nhân, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả. Danh sách theo Huyền Trang, Đại bát nhã, quyển 406 (T7n220, tr.29a29): hữu tình, mạng giả, sinh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ-đặc-già-la, ý sinh, nho đồng, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả. Số thủ thú (數取趣): Tức là bổ-đặc-già-la (補特伽羅, s. pudgala). Bồ, có nghĩa là số. Đặc-già, có nghĩa là thủ, tức là chấp thủ. La, có nghĩa là thú, tức là cõi sống. Bổ đặc giả la có nghĩa là cá nhân làm chủ các hoạt động tâm lý cũng như thân thể, mà nhiều lần chấp thủ cái thân năm uẩn, do đó phải luân hồi mãi trong các cõi sống. Theo Du giả sư địa luận, quyển 81, có 25 thứ phân vị sai biệt, đó là: hạ, trung và thượng; khô, lạt và bất khô bất lạt; thiện, bất thiện và vô ký; văn, tư và tu; tầng thượng giới, tầng thượng tâm và tầng thượng tu; nội và ngoại; sở thủ và năng thủ; sở trị và năng trị; hiện tiền và bất hiện tiền; nhân và quả. Một bổ-đặc-già-la (pudgala, số thủ thú) là một con người, ngã, cá ngã, cá nhân, linh hồn ... mà có những phân vị sai biệt vừa kể ở trên.

<sup>56</sup> Bồ tát bổ-đặc-già-la là mười địa Bồ tát: cực hỷ địa, ly cấu địa, phát quang địa, diệm tuệ địa, nan thắng địa, hiện tiền địa, viễn hành địa, bất động địa, thiện tuệ địa, pháp vân địa.

<sup>57</sup> Thanh văn bổ-đặc-già-la là bảy hạng hiền thánh: tùy tín hành, tùy pháp hành, tín giải, kiến chí, thân chứng, tuệ giải thoát và câu giải thoát; và tám bậc thánh quả: dự lưu hướng, dự lưu quả, nhất lai hướng, nhất lai quả, bất hoàn hướng, bất hoàn quả, a-la-hán hướng, a-la-hán quả.

Nghiêm tịnh độ sai biệt,  
Cập đặc trí pháp thân,  
Báo thân, tịnh hóa thân,  
Năng phổ kiến, giáo thọ,  
Tự tại thành sai biệt.

**Ngộ nhập sai biệt:**  
**Là tịnh độ trang nghiêm sai biệt**  
**Của chư Phật, Bồ tát,**  
**Và chúng đặc trí pháp thân,**  
**Báo thân và hóa thân,**  
**Với khả năng phổ kiến, giáo thọ,**  
**Và tự tại<sup>58</sup>, mà thành sai biệt.**

(5) Ngộ nhập Sở vi

悟入所為者：  
謂宿願差別；  
宣說大乘法，  
即所緣差別；  
十地加行別。

Ngộ nhập sở vi giả:  
Vị túc nguyện sai biệt;  
Tuyên thuyết đại thừa pháp,

---

<sup>58</sup> Trí pháp thân có khả năng phổ kiến tất cả; báo thân có khả năng giáo thọ Bồ tát Thập địa; hóa thân có khả năng khởi các thứ sự nghiệp tự tại.

Tức sở duyên sai biệt;  
Thập địa gia hành biệt.

**Ngộ nhập sở vi:**

**Là túc nguyện sai biệt;**

**Tuyên thuyết Đại thừa pháp,**

**Tức sở duyên sai biệt;**

**Gia hành sai biệt của Thập địa.<sup>59</sup>**

(6) Ngộ nhập Sở y trú

(a) Trình bày

悟入所依住，  
謂由六種相，  
入無分別智：  
即悟入所緣，  
離相、正加行，  
性相與勝利，  
及悟入遍知。

Ngộ nhập sở y trú,  
Vị do lục chủng tướng,  
Nhập vô phân biệt trí:  
Tức ngộ nhập sở duyên,  
Ly tướng, chánh gia hành,

---

<sup>59</sup> Bồ tát tu hành cho đến khi chứng đắc cứu cánh chuyển y, trong quá trình tiến tu đó, đặc biệt là Thập địa, gọi là sở tác hay sở vi. Sở vi của Đại thừa so với Nhị thừa là bất đồng, chủ yếu có ba thứ sai biệt: 1. Túc nguyện sai biệt; 2. Sở duyên sai biệt; 3. Gia hành sai biệt.



Tánh tướng dữ thắng lợi,  
Cập ngộ nhập biến tri.

**Ngộ nhập sở y trú,  
Là do sáu chủng tướng,  
Đi vào trí vô phân biệt:  
Tức ngộ nhập sở duyên,  
Ly tướng, chánh gia hành,  
Tánh tướng cùng thắng lợi,  
Và ngộ nhập biến tri.<sup>60</sup>**

(b) Biệt thích

(b.1) Ngộ nhập Sở duyên của trí vô phân biệt

當知有四相，  
初悟入所緣：  
謂於大乘法，  
說、勝解、決定，  
及圓滿資糧。  
Đương tri hữu tứ tướng,  
Sơ ngộ nhập sở duyên:  
Vị ư đại thừa pháp,  
Thuyết, thắng giải, quyết định,  
Cập viên mãn tư lương.

---

<sup>60</sup> Ngộ nhập sở y trú gồm có sáu tướng: 1. Sở duyên; 2. Ly tướng; 3. Chánh gia hành; 4. Tánh tướng; 5. Thắng lợi; 6. Biến tri.

**Nên biết có bốn tướng,  
Trước hết ngộ nhập sở duyên<sup>61</sup>:  
Là nơi pháp Đại thừa,  
Lắng nghe pháp được thuyết, thắng giải, quyết định,  
Và viên mãn tư lương.<sup>62</sup>**

(b.2) Ngộ nhập Ly tướng của trí vô phân biệt

第二能悟入，  
離相亦四種：  
謂由離所治，  
能治、及真如，  
並能證智相。  
此四如次第，  
即所永遠離，  
粗、中、與微細，  
及常隨逐相。  
Đệ nhị năng ngộ nhập，

---

<sup>61</sup> Pháp Đại thừa làm sở duyên để ngộ nhập, là đặc tánh của trí tuệ Bồ tát. Nhiếp Luận: “Hành tướng của trí vô phân biệt của bồ tát là, đối với đối tượng sở duyên, biết đối tượng ấy là phi sắc thái danh ngôn. Đặc tính tương ưng là tương ưng với đối tượng sở phân biệt chứ không phải gì khác, và đối tượng ấy chỉ là những chữ liên kết lại, triển chuyển thành sự tương ưng. Không phải tách rời cái năng thuyên mà có cái sở thuyên để trí biết đến, nhưng năng thuyên và sở thuyên không phải hoàn toàn tương đồng, do vậy mà pháp tánh thì phi danh ngôn.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>62</sup> Lắng nghe pháp Đại thừa được thuyết là văn sở thành tuệ. Thắng giải là tư sở thành tuệ. Quyết định là tu sở thành tuệ. Tư lương là hai thứ tư lương phước đức và trí tuệ. Trong sáu độ của Bồ tát, thí độ, giới độ và nhẫn độ thuộc giới học tăng thượng; định độ thuộc tâm học tăng thượng; tuệ độ thuộc tuệ học tăng thượng; và tiền độ thuộc cả ba. Giới học tăng thượng thì thuộc phước đức tư lương; tuệ học tăng thượng thuộc về trí tuệ tư lương; tiền độ và định độ thì thuộc cả hai.

Ly tướng diệc tứ chủng:  
Vị do ly sở trị ,  
Năng trị, cập chân như,  
Tịnh năng chứng trí tướng.  
Thử tứ như thứ đệ,  
Tức sở vĩnh viễn ly,  
Thô, trung, dữ vi tế,  
Cập thường tùy trực tướng.

**Thứ hai năng ngộ nhập,  
Ly tướng có bốn thứ:  
Là do ly tướng: sở trị ,  
Năng trị và chân như,  
Cùng trí năng chứng.  
Bốn đây như thứ đệ,  
Tức đã vĩnh viễn tách rời,  
Các tướng thô, trung, vi tế,  
Và tướng thường tùy trực.<sup>63</sup>**

(b.3) Ngộ nhập Gia hành của trí vô phân biệt

悟入正加行,  
亦有四種相:

---

<sup>63</sup> Ly tướng có bốn thứ phải tách rời: 1. Sở trị; 2. Năng trị; Chân như; 4. Trí năng chứng [chân như]. Sở trị là tướng thô. Năng trị là tướng trung. Chân như là tướng vi tế. Trí năng chứng là tướng thường tùy trực (thường theo đuổi, tương tục). Nhiếp Luận: “Tự trung, tự tánh của trí vô phân biệt là không phải năm trạng thái: một là không phải không tác ý, hai là không phải không tầm tư, ba là không phải không thọ tướng, bốn là không phải sắc tự tánh, năm là không phải kế đạt đối với chân như. Không phải năm trạng thái như vậy thì nên biết đó gọi là trí vô phân biệt.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

謂有得加行，  
及無得加行，  
有得無得行，  
無得有得行。

Ngộ nhập chánh gia hành,  
Diệc hữu tứ chủng tướng:  
Vị hữu đắc gia hành,  
Cập vô đắc gia hành,  
Hữu đắc vô đắc hành,  
Vô đắc hữu đắc hành.

**Ngộ nhập chánh gia hành,  
Cũng có bốn thứ tướng:  
Là gia hành hữu đắc,  
Và gia hành vô đắc,  
Gia hành hữu đắc vô đắc,  
Gia hành vô đắc hữu đắc.<sup>64</sup>**

---

<sup>64</sup> Chánh hành có bốn tướng: 1. Gia hành hữu đắc (Có tức là có, có mà chẳng có); 2. Gia hành vô đắc (Không tức là không, không mà chẳng không); 3. Gia hành hữu đắc vô đắc (Tức có tức không, tức không tức có); 4. Gia hành vô đắc hữu đắc (Có không chẳng hai, cho nên bình đẳng).

Luận Biện Trung Biên: “Phân biệt hư vọng có, Ở đây hai đều không, Trong đây chỉ có không, Ở kia cũng có đây (虛妄分別有，於此二都無，此中唯有空，於彼亦有此). Luận giải: Phân biệt hư vọng có, là có sự phân biệt của năng thủ và sở thủ. Ở đây hai đều không, là ngay nơi sự phân biệt hư vọng này, vĩnh viễn không có hai tánh năng thủ và sở thủ. Trong đây chỉ có không, là trong sự phân biệt hư vọng chỉ có không tánh mà rời xa năng thủ và sở thủ. Ở kia cũng có đây, là ngay nơi không tánh kia của năng thủ và sở thủ cũng chỉ có sự phân biệt hư vọng đây. Nếu sự phân biệt hư vọng chẳng có, bởi năng thủ và sở thủ được quán là không, thì không tánh kia chẳng không, tức như thật tri là có. Như thật tri như vậy, thì có thể (tác ý đúng lý và tư duy) không ngược, hiển thị không tướng.”

“Nên nói tất cả pháp, Chẳng không, chẳng bất không, Vì có, không, và có, Chính khế hợp trung đạo (故說一切法，非空非不空，有無及有故，是則契中道). Luận giải: Tất cả pháp, là các pháp hữu vi và vô vi. Sự phân biệt hư vọng gọi là hữu vi. Không tánh của năng thủ và sở thủ gọi là vô vi. Dựa vào nghĩa lý ở trên mà nói tất cả pháp chẳng không, chẳng bất không. Vì có không tánh và phân biệt hư vọng nên nói chẳng không. Vì không có hai tánh năng thủ và sở thủ nên nói chẳng bất không. Vì có, là vì có không tánh và phân biệt hư vọng. Vì không, là vì không có hai tánh năng thủ và sở thủ. Vì (có) và có, là vì trong phân biệt hư vọng có không tánh, và vì trong không tánh có

#### (b.4) Ngộ nhập Tánh tướng của trí vô phân biệt

悟入於性相，  
當知由三種：  
謂由住法性，  
依住無二取，  
離言法性故。  
第二由無現，  
二取及言說，  
根、境、識、器世，  
悉皆不見故。  
以是此即明：  
無所觀、無對，  
無住、無所現，

---

phân biệt hư vọng. Chính khế hợp trung đạo, là tất cả pháp chẳng phải hoàn toàn không, cũng chẳng phải hoàn toàn bất không. Lý thú như vậy diệu khế trung đạo, cũng khéo thuận hợp các kinh Bát nhã nói rằng, tất cả pháp phi không phi hữu.”

"Tánh phân biệt hư vọng, Do nghĩa sau được thành: Chẳng thật có, toàn không, Diệt đây nên giải thoát (虛妄分別性, 由此義得成, 非實有全無, 許滅解脫故). Luận giải: Tánh phân biệt hư vọng do hai nghĩa sau đây được thành: Chẳng thật có, vì các cảnh hiện khởi chẳng thật có; cũng chẳng hoàn toàn không có, vì có ý thức thác loạn sinh khởi dù chỉ là chút ít. Vì sao không chấp nhận tánh phân biệt hư vọng hoàn toàn không có? Vì chấp nhận tánh này diệt mất thì được giải thoát. Nếu lập luận khác đây, thì trói buộc và giải thoát đều phải không có, như vậy thành ra bài bác không có tạp nhiễm và thanh tịnh."

"Dựa thức hữu sở đắc, Cảnh vô sở đắc sanh, Dựa cảnh vô sở đắc, Thức vô sở đắc sanh (依識有所得, 境無所得生, 依境無所得, 識無所得生). Luận giải: Dựa vào thức hữu sở đắc, trước có cảnh vô sở đắc phát sanh. Rồi dựa vào cảnh vô sở đắc, sau có thức vô sở đắc phát sanh. Do phương tiện ấy liền thể nhập vô tướng nơi năng thủ và sở thủ."

"Thức có tánh sở đắc, Trở thành vô sở đắc, Biết hai tánh: hữu đắc, Và vô đắc bình đẳng (由識有得性, 亦成無所得, 故知二有得, 無得性平等). Luận giải: Chỉ khi thức sanh khởi, thì mọi cảnh tướng hư vọng, tương tợ (chân thật) hiển hiện, gọi là hữu sở đắc. Vì cảnh sở đắc thì không có thật tánh, nên thật tánh của thức năng đắc cũng vô sở đắc. Vì thức năng đắc là vô sở đắc, nên hai tánh năng thủ và sở thủ là hữu sở đắc cũng đều bình đẳng thành tánh vô sở đắc."

無了、無依處，  
無分別智相，  
如經所宣說。  
由現一切法，  
見如虛空故；  
及一切諸行，  
見如幻等故。

Ngộ nhập ư tánh tướng,  
Đương tri do tam chủng:  
Vị do trú pháp tánh,  
Y trú vô nhị thủ,  
Ly ngôn pháp tánh cố.  
Đệ nhị do vô hiện,  
Nhị thủ cập ngôn thuyết,  
Căn, cảnh, thức, khí thể,  
Tất giai bất kiến cố.  
Dĩ thị thử tức minh:  
Vô sở quán, vô đối,  
Vô trú, vô sở hiện,  
Vô liễu, vô y xứ,  
Vô phân biệt trí tướng,  
Nư kinh sở tuyên thuyết.  
Do hiện nhất thiết pháp,  
Kiến như hư không cố;  
Cập nhất thiết chư hành,  
Kiến như huyễn đẳng cố.

**Ngộ nhập nơi tánh tướng,  
Nên biết do ba thứ:  
Một là do trú pháp tánh,  
Y trú vô nhị thủ,  
Vì pháp tánh ly ngôn.  
Hai là do vô hiện,  
Vì nhị thủ và ngôn thuyết<sup>65</sup>,  
Căn, cảnh, thức, khí thể giới,  
Thấy đều không hiển hiện.  
Vì vậy đây muốn nói:  
Vô sở quán, vô đối,  
Vô trú, vô sở hiện,  
Vô liễu biệt, vô y xứ,  
Sắc thái của trí vô phân biệt,  
Như kinh đã tuyên thuyết.<sup>66</sup>**

---

<sup>65</sup> Y chỉ trên đối tượng xuất hiện như là sở thủ - năng thủ, bằng vào ngôn từ và ý tưởng mà phát biểu rằng đây là sở thủ, đây là năng thủ. Sự phát biểu (danh ngôn, ngôn ngữ chuyển tải) ấy là ngôn thuyết. Bằng ngôn thuyết này mà nuôi dưỡng chủng tử để sản sinh ngôn thuyết loại tợ trong tương lai.

<sup>66</sup> Luận Đại Thừa Chương Trân, quyển 2, tr. 276b07-19: “Khi hành giả rời xa hai bên như vậy, thì sanh trường diệu hạnh của sự trú ở nơi trung đạo. Sự rời xa hai bên ấy là đạo lý của sự trú ở nơi trung đạo. Theo cách giải thích ở trên, ngang qua hai loại tỷ lượng về pháp hữu vi và pháp vô vi, không có một loại sắc nào cả, nên gọi là ‘không có sắc’. Do không có sắc nên cũng không có những phân biệt, tức không có một chút pháp nào được biểu thị bằng hình tướng. Pháp kia đã vậy, pháp này cũng như vậy, nên gọi là ‘không có biểu thị’. Bởi vì [các pháp] không có tự tánh, nên cái sở y và cái năng y đều không thành tựu. Bởi vì không có trú trước và bám giữ, nên gọi là ‘không có trú ở’. Bất kể là tướng hữu vi hay tướng vô vi, là đối tượng phân biệt hay chẳng phải đối tượng phân biệt, là chủ thể phân biệt hay chẳng phải chủ thể phân biệt; bởi vì tuệ giác không hoạt động trên những tướng như vậy, nên gọi là ‘không có hiển hiện’. Rời xa tất cả hữu tướng, vô tướng, cảnh giới của ý thức không sanh khởi, nên gọi là ‘không có liễu biệt’. Bởi vì không có màu sắc, không có hình chất, không có định hướng hay chỉ dẫn, nên gọi là ‘không có dấu hiệu’. Thí dụ, Đức Thế Tôn bảo tôn giả Ca-diếp-ba (Kāśyapa), ‘*Thường là một bên và vô thường là một bên thứ hai. Giữa hai điều này, không có sắc, không có biểu thị, không có trú ở, không có hiển hiện, không có liễu biệt và không có dấu hiệu, và đó gọi là diệu hạnh của sự trú ở nơi trung đạo. Như thật quán sát tất cả pháp tánh.*’”

Kinh Đại bảo tích, No. 310, Pháp hội Phổ Minh Bồ tát, thứ 43, tr. 633c09-634a01: “Này Đại Ca Diếp! Bồ Tát thường muốn học kinh Đại Bảo Tích này thì phải thường tu tập chánh quán các pháp. Thế nào là chánh quán? Đó là chân thật tư duy các pháp. Người chân thật chánh quán thì chẳng quán ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng. Đây gọi là trung đạo chân thật chánh quán.

**Ba là do hiện tất cả pháp,  
Vì thấy như hư không;  
Và tất cả chư hành,  
Vì thấy như huyền ảo, v.v...<sup>67</sup>**

(b.5) Ngộ nhập Thắng lợi của trí vô phân biệt

悟入勝利四：  
得圓滿法身，  
得無上安樂，

---

Lại này Đại Ca Diếp! Người chân thật quán thì quán sắc chẳng phải thường chẳng phải vô thường, quán thọ, tưởng, hành và thức chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường. Đây gọi là trung đạo chân thật chánh quán.

Lại này Đại Ca Diếp! Người chân thật quán thì quán địa chủng chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường, quán thủy, hòa và phong chủng chẳng phải thường, cũng chẳng phải vô thường. Đây gọi là trung đạo chân thật chánh quán.

Tại sao vậy? Vì thường là một bên, vô thường là một bên, còn giữa thường và vô thường thì không có sắc, không có hình, không có danh, không có trí giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp. Ngã là một bên, vô ngã là một bên, còn giữa ngã và vô ngã thì không có sắc, không có hình, không có danh, không có trí giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Lại này Đại Ca Diếp! Nếu tâm có thật thì là một bên, nếu tâm phi thật cũng là một bên, nếu không có tâm thức thì cũng không có tâm số pháp, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Như thế thì pháp thiện và pháp bất thiện, pháp thế gian và pháp xuất thế gian, pháp có tội và pháp không có tội, pháp hữu lậu và pháp vô lậu, pháp hữu vi và pháp vô vi, nhân đến pháp có câu uê và pháp không có câu uê cũng đều như vậy, rời lia hai bên mà chẳng thể thọ được, cũng chẳng thể nói được, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Lại này Đại Ca Diếp! Hữu là một bên, vô cũng là một bên, còn giữa hữu và vô thì không có sắc, không có hình, không có danh, không có trí giác, đây gọi là trung đạo thật quán các pháp.

Này Đại Ca Diếp! Thập nhị nhơn duyên đã được ta thuyết pháp: vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử ưu bi khổ não.

Nhơn duyên như vậy chỉ là hợp lại thành, là khối đại khối. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử ưu bi khổ não diệt mà khối đại khối diệt. Minh cùng vô minh không có hai không có khác. Biết rõ như vậy thì gọi là trung đạo thiết quán các pháp.” (H.T Thích Trí Tịnh dịch)

<sup>67</sup> Ngộ nhập tánh tướng của trí vô phân biệt có ba thứ: 1. Trú pháp tánh: pháp tánh thì ly danh ngôn, tức không có nãn thủ và sở thủ, là chân như vô ngã; 2. Vô hiện: vô năng thủ, vô sở thủ, vô ngôn thuyết, vô căn, vô cảnh, vô thức, vô khí thể giới; sáu tướng không hiện cho nên tất cả pháp tướng không hiện. Sáu tướng vô hiện này là sắc thái của trí vô phân biệt mà như trong Kinh Đại Bát Nhã, Kinh Đại Bảo Tích có nói đến: vô sở quán, vô đối, vô trú, vô sở hiện, vô liễu biệt, vô y xứ. Vô sở quán là vô năng thủ, vô đối là vô sở thủ, vô trú là vô ngôn thuyết, vô sở hiện là vô căn, vô liễu biệt là vô thức, và vô khí thể giới là vô y xứ; 3. Hiện tất cả pháp và tất cả chư hành: hoạt dụng của trí vô phân biệt căn bản: thấy tất cả pháp như hư không, và trí vô phân biệt hậu đắc: thấy tất cả chư hành như huyền ảo, v.v.



得知見自在，  
得說法自在。

Ngộ nhập thắng lợi tứ:  
Đắc viên mãn pháp thân,  
Đắc vô thượng an lạc,  
Đắc tri kiến tự tại,  
Đắc thuyết pháp tự tại.

**Ngộ nhập thắng lợi có bốn:**  
**Đắc viên mãn pháp thân,**  
**Đắc vô thượng an lạc,**  
**Đắc tri kiến tự tại,**  
**Đắc thuyết pháp tự tại.<sup>68</sup>**

(b.6) Ngộ nhập Biến tri của trí vô phân biệt  
(6a) Trình bày

悟入遍知者，  
當知有四相：  
謂對治遍知，  
及自相遍知，  
諸差別遍知，  
五作業遍知。

Ngộ nhập biến tri giả,

---

<sup>68</sup> Ngộ nhập thắng lợi của trí vô phân biệt có 4 thứ: 1. Viên mãn pháp thân: tự tánh thân; 2. Vô thượng an lạc: báo thân tự thọ dụng; 3. Tri kiến tự tại: báo thân tha thọ dụng, thuyết pháp giáo hóa Bồ Tát; 4. Thuyết pháp tự tại: hóa thân, thuyết pháp giáo hóa chúng sanh.

Đương tri hữu tứ tướng:  
Vị đối trị biến tri,  
Cập tự tướng biến tri,  
Chư sai biệt biến tri,  
Ngũ tác nghiệp biến tri.

**Ngộ nhập biến tri là,  
Nên biết có bốn tướng:  
Là biến tri đối trị,  
Và biến tri tự tướng,  
Chư biến tri sai biệt,  
Ngũ biến tri tác nghiệp.**

(6b) Biệt thích

(i) Biến tri đối trị

其對治遍知，  
謂無分別智，  
對治五妄執：  
即妄執有法、  
數取趣、變壞，  
異、及損減性。  
Kỳ đối trị biến tri,  
Vị vô phân biệt trí,  
Đối trị ngũ vọng chấp:  
Tức vọng chấp hữu pháp,

Số thủ thú, biến hoại,  
Dị cập tồn giảm tánh.

**Biến tri đối trị ấy,  
Là trí vô phân biệt,  
Đối trị năm vọng chấp:  
Tức vọng chấp hữu pháp,  
Số thủ thú, biến hoại,  
Dị biệt và tồn giảm tánh.**

(ii) Biến tri tự tướng

自相遍知者：  
遠離不作意，  
超尋伺、寂靜，  
自性、執息念，  
五種為自相。

Tự tướng biến tri giả:  
Viễn ly bất tác ý,  
Siêu tầm tứ, tịch tĩnh,  
Tự tánh, chấp tức niệm,  
Ngũ chủng vi tự tướng.

**Biến tri tự tướng là:  
Viễn ly: bất tác ý,  
Vượt tầm tứ, [tướng thọ diệt] tịch tĩnh,**

**[Sắc] tự tánh, chấp ‘dứt niệm’,  
Năm thứ làm tự tướng.<sup>69</sup>**

(iii) Biến tri sai biệt

差別遍知者，  
謂不分別性，  
及非少分性，  
無住與畢竟，  
並其無上相，  
是五種差別。

Sai biệt biến tri giả,  
Vị bất phân biệt tánh,  
Cập phi thiếu phần tánh,  
Vô trú dữ tất cánh,  
Tịnh kỳ vô thượng tướng,  
Thị ngũ chủng sai biệt.

**Biến tri sai biệt là,  
Là tánh không phân biệt,  
Và tánh chẳng phân ít,**

---

<sup>69</sup> Tự tướng của trí vô phân biệt có năm thứ viễn ly: 1. Không tác ý; 2. Siêu tầm tư; 3. Tịch tịnh; 4. Tự tánh; 5. Chấp ‘dứt niệm’. Nhiếp Luận: “Tự trung, tự tánh của trí vô phân biệt là không phải năm trạng thái: một là không phải không tác ý, hai là không phải không tầm tư, ba là không phải không thọ tướng, bốn là không phải sắc tự tánh, năm là không phải kế đạt đối với chân như. Không phải năm trạng thái như vậy thì nên biết đó gọi là trí vô phân biệt.” H.T Thích Trí Quang giải thích: “Trí vô phân biệt dĩ nhiên không tác ý, tầm tư và thọ tướng, nhưng không tác ý như trạng thái hôn mê, không tầm tư như nhị thiên sắp lên, không thọ tướng như diệt tận định thì không phải là trí vô phân biệt. Trí này cũng không vô tri giác như sắc chất. Đối tượng hóa chân như ra mà kế đạt, sự kế đạt ấy cũng không phải trí vô phân biệt.”

**Vô trú cùng rốt ráo,  
Và tướng vô thượng ấy,  
Là năm thứ sai biệt.<sup>70</sup>**

(iv) Biến tri tác nghiệp

最後業遍知：  
謂離諸分別；  
給無上安樂；  
令遠離煩惱，  
無所知二障。  
其後所得智，  
而能正悟入，  
一切所知相，  
嚴淨諸佛土，  
成熟諸有情；  
並能令生起，  
一切相智性。  
五種業差別。

Tối hậu nghiệp biến tri:

---

<sup>70</sup> Biến tri sai biệt giữa trí Thanh văn và trí Bồ tát có năm thứ: 1. Tánh bất phân biệt; 2. Tánh phi thiếu phần; 3. Vô trú; 4. Tất cánh; 5. Tướng vô thượng. Nhiếp Luận: “Trí thanh văn với trí bồ tát khác gì nhau? Do năm sắc thái sau đây mà khác nhau, nên biết như vậy. Một là khác vì không phân biệt, tức không phân biệt các pháp 5 uẩn, v.v. Hai là khác vì không phải phần ít, tức thông đạt chân như, nhập vào lĩnh vực tất cả chúng loại, phổ độ tất cả chúng sinh, chứ không phải chỉ có phần ít mà thôi. Ba là khác vì vô trú, tức lấy niết bàn vô trú làm chỗ cư trú. Bốn là khác vì rốt ráo, tức trong niết bàn vô dư y mà không có cùng tận. Năm là khác vì vô thượng, tức trên cái trí vô phân biệt của đại thừa này không còn thừa nào hơn nữa. Ở đây có 1 bài chính cú: Những bậc lấy đại bi làm bản chất, thì do cái trí có 5 sắc thái hơn cả, mà trong sự thành mãn thuộc lĩnh vực thế gian hay sự thành mãn thuộc lĩnh vực xuất thế, nên nói rằng những bậc ấy tối cao xa.”

Vị ly chư phân biệt;  
Cấp vô thượng an lạc;  
Lệnh viễn ly phiền não,  
Vô sở tri nhị chương.  
Kỳ hậu sở đắc trí,  
Nhi năng chánh ngộ nhập,  
Nhất thiết sở tri tướng,  
Nghiêm tịnh chư Phật độ,  
Thành thực chư hữu tình;  
Tịnh năng lệnh sanh khởi,  
Nhất thiết tướng trí tánh.  
Ngũ chủng nghiệp sai biệt.

**Sau cùng là biến tri tác nghiệp:**

**Là thoát ly các phân biệt;  
Đưa đến vô thượng an lạc;  
Khiến viễn ly hai chương  
Phiền não và sở tri.  
Hậu sở đắc trí của nó,  
Có khả năng ngộ nhập,  
Tất cả các pháp sở tri<sup>71</sup>,**

---

<sup>71</sup> Nhiếp Luận: “Trong kinh Đại thừa a tì đạt ma, trước đức Thế tôn, các vị Bồ tát đã khéo ngộ nhập đại thừa, vì biểu thị đại thừa bản thể vĩ đại, nên nói rằng căn cứ vào đại thừa mà chư vị Thế tôn có 10 ngôn ngữ thù thắng nói về 10 tiết mục thù thắng: một là căn cứ của các pháp sở tri, hai là sắc thái của các pháp sở tri, ba là ngộ nhập các pháp sở tri, bốn là nhân quả của sự ngộ nhập ấy, năm là sự tu tập về nhân quả ấy, sáu là giới tăng thượng trong sự tu tập, bảy là định tăng thượng trong sự tu tập, tám là tuệ tăng thượng trong sự tu tập, chín là đoạn đức của sự tu tập, mười là trí đức của sự tu tập. Do những tiết mục trên đây, đã được nói trong kệ kinh đức Thế tôn ẩn chúng, mà biểu thị đại thừa thật là Phật thuyết.

Biểu thị như thế nào? Là 10 tiết mục đã nói trên đây, trong thanh văn thừa đã không thấy nói đến, chỉ trong đại thừa mới nhiều chỗ thấy nói. (Một) nói a lại da là căn cứ của các pháp sở tri. (Hai) nói 3 tánh, y tha, biến kế và viên thành là sắc thái của các pháp sở tri. (Ba) nói đạo lý duy thức là sự ngộ nhập các pháp sở tri. (Bốn) nói 6 độ là nhân quả của sự ngộ nhập ấy. (Năm) nói 10 địa của Bồ tát là sự tu tập về nhân quả ấy. (Sáu) nói bồ tát giới là giới tăng thượng

**Nghiêm tịnh các Phật độ,  
Thành thực chư hữu tình;  
Và hay khiến sanh khởi,  
Nhất thiết tướng trí tánh.<sup>72</sup>  
Đó là năm nghiệp dụng sai biệt của trí vô phân biệt.**

(7) Ngộ nhập Tác ý

悟入作意者，  
謂若諸菩薩，  
發心欲悟入，  
無分別智者，  
當作如是意：  
由不知真如，  
起虛妄分別，  
名曰一切種，  
為現二取因，  
依此起異識；  
故彼因及果，  
雖現而實無，

---

trong sự tu tập. (Bảy) nói thù lã nghiêm, hư không tạng, và các định đồng đẳng, là định tăng thượng trong sự tu tập. (Tám) nói trí vô phân biệt là tuệ tăng thượng trong sự tu tập. (Chín) nói niết bàn vô trú là đoạn dứt của sự tu tập. (Mười) nói 3 loại thân Phật, thân tự tánh, thân thọ dụng và thân biến hóa là trí đức của sự tu tập. Do 10 tiết mục đã nói trên đây mà biểu thị đại thừa biệt lập với thanh văn thừa, lại biểu thị đức Thế tôn chỉ nói 10 tiết mục ấy cho Bồ tát.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

<sup>72</sup> Biến tri tác nghiệp (sự nghiệp/ nghiệp dụng) của trí vô phân biệt có năm thứ: (a) Căn bản trí: 1. Viễn ly các phân biệt; 2. Chứng đắc vô thượng an lạc: vô trú niết bàn; 3. Viễn ly hai chướng phiền não và sở tri: thoát ly mọi sự chướng ngại, được gọi là thích ứng với sự được và thích ứng với sự thành; (b) Hậu đắc trí: 4. Năng ngộ nhập các pháp sở tri, nghiêm tịnh Phật độ và thành thực hữu tình; 5. Sanh khởi Nhất thiết tướng trí (Nhất thiết chủng trí).

彼現法性隱，  
彼沒法性現。  
若如是作意，  
菩薩即能入，  
無分別正智。  
從緣知唯識，  
觀識不得境；  
由境無得故，  
亦不得唯識。  
由此無得故，  
入二取無別，  
二別無所得，  
即無分別智。  
無境無所得，  
以是一切相，  
無得所顯故。

Ngộ nhập tác ý giả,  
Vị nhược chư bồ tát,  
Phát tâm dục ngộ nhập,  
Vô phân biệt trí giả,  
Đương tác như thị ý:  
Do bất tri chân như,  
Khởi hư vọng phân biệt,  
Danh viết nhất thiết chủng,  
Vi hiện nhị thủ nhân,



Y thử khởi dị thức;  
Cố bỉ nhân cập quả,  
Tuy hiện nhi thật vô,  
Bỉ hiện pháp tánh ẩ,  
Bỉ một pháp tánh hiện.  
Nhược như thị tác ý,  
Bồ tát tức năng nhập,  
Vô phân biệt chánh trí.  
Tùng duyên tri duy thức,  
Quán thức bất đắc cảnh;  
Do cảnh vô đắc cố,  
Diệc bất đắc duy thức.  
Do thử vô đắc cố,  
Nhập nhị thủ vô biệt,  
Nhị biệt vô sở đắc,  
Tức vô phân biệt trí.  
Vô cảnh vô sở đắc,  
Dĩ thị nhất thiết tướng,  
Vô đắc sở hiển cố.

**Ngộ nhập tác ý là,  
Nếu có chư Bồ tát,  
Phát tâm muốn ngộ nhập,  
Trí vô phân biệt thì,  
Nên tác ý như vậy:  
Do bất tri chân như,  
Khởi hư vọng phân biệt,**

**Gọi là nhất thiết chủng<sup>73</sup>,  
Làm nhân duyên hiện khởi hai thủ,  
Y đây khởi những thức khác nhau;  
Nên nhân và quả kia,  
Tuy hiện mà chẳng thật,  
Khi hư vọng phân biệt hiện khởi thì pháp tánh ẩn,  
Khi hư vọng phân biệt mất đi thì pháp tánh hiện.  
Nếu tác ý như vậy,  
Bồ tát liền năng nhập,  
Chánh trí vô phân biệt.  
Theo sở duyên mà biết các pháp là duy thức,  
Quán duy thức nên cảnh bất khả đắc;  
Do cảnh bất khả đắc,  
Nên thức bất khả đắc.  
Do thức bất khả đắc,  
Nhập hai thủ mà không thấy sai biệt,  
Hai thủ sai biệt mà không có thủ đắc,  
Tức là trí vô phân biệt.  
Vô cảnh nên vô sở đắc,  
Vì vậy tất cả tướng,  
Do vô sở đắc mà được hiển lộ.<sup>74</sup>**

<sup>73</sup> Nhất thiết chủng chỉ cho căn bản thức hay a lại da thức.

<sup>74</sup> Nhiếp Luận: “Trong đây, y tha khởi tướng là gì? Là các thức do a lại da làm chủng tử và thuộc về phân biệt hư vọng. Các thức ấy là gì? Là thức thân, thức chủ thể của thân, thức chủ thể của sự tiếp nhận, thức được tiếp nhận, thức tiếp nhận, thức thì gian, thức số mục, thức thể giới cư trú, thức nói năng, thức mình người, thức đường lành đường dữ. Tự trung, thức thân cho đến thức nói năng là do chủng tử của danh ngôn huân tập, thức mình người là do chủng tử của ngã kiến huân tập, và thức đường lành đường dữ là do chủng tử của hữu chi huân tập. Các thức như vậy là cái y tha khởi tướng thông thuộc 3 cõi 5 đường và 3 tạp nhiễm, là được biểu hiện bởi phân biệt hư vọng. Như vậy, các thức này thông thuộc phân biệt hư vọng, đặc tính là duy thức, làm căn cứ cho sự biểu hiện không có và không thực. Như thế đó gọi là y tha khởi tướng.

Trong đây, biến kế chấp tướng là gì? Là nơi sự không thật, duy thức, mà biểu hiện như là thật có.

## (8) Ngộ nhập Địa

加行悟入地，  
於四相當知：  
由勝解加行，  
於勝解行地，  
是順抉擇位。  
各別證加行，  
即於初地中，  
是觸真實位。  
由修習加行，  
於未淨六地，  
及三清淨地，  
是為隨念位。  
由究竟加行，  
任運佛事業，  
相續不斷故，  
此即是達到，

---

Trong đây, viên thành thật tướng là gì? Là chính nơi y tha khởi mà cái ấn tượng như là thật có vĩnh viễn không còn. Trong 11 thức, thức thân, thức chủ thể của thân, và thức chủ thể của sự tiếp nhận, nên biết rằng đó là 6 giác quan ở trong, tức nhãn căn, nhĩ căn, v.v.; thức được tiếp nhận, nên biết rằng đó là 6 đối cảnh ở ngoài, tức sắc cảnh, thanh cảnh, v/v; thức tiếp nhận, nên biết rằng đó là 6 nhận thức, tức là nhãn thức, nhĩ thức, v.v. Ngoài ra, các thức khác, nên biết rằng đó là sự sai biệt của các thức trên đây." (H.T Thích Trí Quang dịch)

Luận Thành Duy Thức: "Cho nên, già-tha trong Khế kinh (Kinh Mật Nghiêm) nói, 'Tâm chúng sinh lưỡng tính, nội ngoại tất cả phân, quán chặt sở năng thủ, thấy sai biệt đa thù.' (眾生心二性，內外一切分，所取能取纏，見種種差別。) Ý bài tụng này nói, tâm tính của chúng sinh được hợp thành bởi hai phần, hoặc ngoại hoặc nội, thấy đều bị quán chặt bởi năng thủ và sở thủ, do đó đủ mọi hình thái, với nhiều phần sai biệt, hoặc lượng hay phi lượng, hoặc hiện lượng hay tỷ lượng. Trong đoạn này, nói "thấy" (kiến) tức chỉ cho kiến phần (năng duyên)." (Tuệ Sỹ dịch)

彼智體性位。

Gia hành ngộ nhập địa ,  
Ư tú tướng đương tri:  
Do thắng giải gia hành ,  
Ư thắng giải hành địa ,  
Thị thuận quyết trạch vị.  
Các biệt chứng gia hành ,  
Tức ư sơ địa trung ,  
Thị xúc chân thật vị.  
Do tu tập gia hành ,  
Ư vị tịnh lục địa ,  
Cập tam thanh tịnh địa ,  
Thị vi tùy niệm vị.  
Do cứu cánh gia hành,  
Nhậm vận Phật sự nghiệp,  
Tương tục bất đoạn cố,  
Thử tức thị đạt đáo,  
Bỉ trí thể tánh vị.

**Gia hành ngộ nhập địa,  
Nơi bốn tướng nên biết:  
Do gia hành thắng giải,  
Mà an trú trong Thắng giải hành địa,  
Là Thuận quyết trạch vị.<sup>75</sup>**

---

<sup>75</sup> Luận Thành Duy Thức: “Bồ tát trước tiên ở trong vô số kiếp thứ nhất khéo léo hoàn bị các tư lương phước đức và trí tuệ, đã viên mãn thuận giải thoát phần, với mục đích nhập kiến đạo, an trú trong duy thức tính, lại tu tập gia hành

**Mỗi mỗi biệt chứng gia hành,  
Tức ở nơi Sơ địa,  
Là Xúc chân thật vị.  
Do tu tập gia hành ,  
Ở sáu địa chưa thanh tịnh,  
Và ba địa thanh tịnh,<sup>76</sup>  
Đó là Tùy niệm vị.  
Do gia hành cứu cánh,  
Nhậm vận sự nghiệp của Phật,  
Tương tục không gián đoạn,  
Đây tức là đạt đến,  
Trí thể tánh vị của trí vô phân biệt.<sup>77</sup>**

(9)Ngộ nhập Lỗi lầm

悟入過患者，  
謂若無轉依，  
有四種過患：  
無斷惑依過；

---

với noãn, đỉnh, nhãn, thể đệ nhất, đề trần áp và đoạn trừ hai thù. Bốn gia hành này gọi chung là thuận quyết trách phần, vì thuận dẫn hướng đến sự quyết trách sự chân thật. Do gần với kiến đạo nên gọi là gia hành, chứ không phải trong giai đoạn tư lương trước đó không hàm nghĩa gia hành.” (Tuệ Sỹ dịch) Bồ tát ở Thắng giải hành địa chưa chứng chân thắng nghĩa duy thức. Bồ tát ở Thắng giải hành địa chưa chứng chân thắng nghĩa duy thức. Thuận với phần quyết trách, tức là gia hành vị, phần sau của giải hành vị. Đối lại, phần đầu của giải hành vị là tư lương vị (thuận với phần giải thoát).

<sup>76</sup> Sáu địa chưa thanh tịnh là từ địa thứ hai đến địa thứ bảy. Ba địa thanh tịnh là địa thứ tám, địa thứ chín và địa thứ mười. Trong Bồ tát địa, từ sơ địa đến địa thứ sáu gọi là hữu tướng hữu công dụng địa; địa thứ bảy gọi là vô tướng hữu công dụng địa; và từ địa thứ tám đến địa thứ mười gọi là vô tướng vô công dụng địa.

<sup>77</sup> Gia hành ngộ nhập địa có bốn giai vị: 1. Thuận quyết trách vị; 2. Xúc chân thật vị: giai vị chân kiến đạo, “hiện tiền đắc chân như”; 3. Tùy niệm vị: giai vị Tu đạo, tu tập gia hành để chứng ngộ pháp tánh thanh tịnh; 4. Trí thể tánh vị: là Phật địa, do gia hành cứu cánh mà Phật sự nhậm vận không gián đoạn.

無修道依過；  
無諸涅槃者，  
施設依處過；  
三菩提差別，  
施設無依過。

Ngộ nhập quá hoạn giả,  
Vị nhược vô chuyên y,  
Hữu tứ chủng quá hoạn:  
Vô đoạn hoặc y quá;  
Vô tu đạo y quá;  
Vô chư niết bàn giả,  
Thi thiết y xứ quá;  
Tam bồ đề sai biệt,  
Thi thiết vô y quá.

**Ngộ nhập lỗi lầm là,  
Nếu không được chuyên y,  
Có bốn thứ lỗi lầm:  
Lỗi không sở y cho đoạn hoặc;  
Lỗi không sở y cho tu đạo;  
Lỗi không y xứ thi thiết cho các bồ-đặc-già-la<sup>78</sup> và niết  
bàn<sup>79</sup>;**

<sup>78</sup> Như nói: Bồ-đặc già-la (hạng người) như vậy thành tựu thiện, ác; Thánh giả thành tựu mười pháp vô học: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh cần, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí.

<sup>79</sup> Niết bàn là dựa vào chuyên y mà thi thiết. Tất cả hư vọng, tạp nhiễm không còn thì pháp tánh thanh tịnh hiển hiện. Y vào pháp tánh thanh tịnh mà an lập niết bàn. Nhiếp Luận: “Vì sao sự biểu hiện thật không có, mà y tha không phải ở đâu và lúc nào cũng không có? Vì nếu y tha không có thì viên thành cũng không có; y tha mà không có thì không có gì nữa. Y tha với viên thành không có thì thành ra cái lỗi không có nhiễm với tịnh. Nhưng nhiễm với tịnh là hiện

## **Lỗi không y xứ thi thiết cho ba thứ bồ đề sai biệt.**

### (10) Ngộ nhập Công đức

當知彼相違，

四相入功德。

Đương tri bỉ tương vi,

Tứ tướng nhập công đức.

**Nên biết, những gì trái ngược với lỗi lầm,**

**Là bốn tướng nhập công đức.**

### IV. Dụ thuyết

於無而現有，

喻如夢、幻等。

轉依則喻如：

虛空、金、水等。

Ư vô nhi hiện hữu,

Dụ như mộng, huyền đấng.

Chuyển y tác dụ như:

Hư không, kim, thủy đấng.

**Nơi các pháp không thật mà hiện hữu,**

---

có, thế nên không nên nói tất cả toàn không. Ở đây có 1 bài chính cú: Y tha mà không thì không viên thành; tất cả toàn không thì luôn luôn không có nhiễm tịnh.” (H.T Thích Trí Quang dịch)

**Dụ như chiêm bao, ảo thuật, ...<sup>80</sup>**

**Chuyển y thì dụ như:**

**Hư không, vàng và nước.<sup>81</sup>**

---

<sup>80</sup> Sâu dụ: chiêm bao, ảo thuật, bóng nước, ảnh tượng, sương mai, điện chớp.

<sup>81</sup> Tánh trong sáng vốn có của hư không có thể bị mây đen, sương mù, gió và cát che mờ, và khi trời đất đen tối thì tánh trong sáng của hư không sẽ không hiển hiện. Sương mù tan đi, gió cát ngừng lại, sự thanh tịnh của hư không lộ ra. Thí dụ về vàng giống như việc khai thác một mỏ vàng, nơi vàng được trộn lẫn với cát, đá và đất bên trong mỏ nên tất nhiên không phải là vàng nguyên chất và không thể nhìn thấy vàng. Khi quặng vàng được nung chảy và biến thành vàng nguyên chất, vàng nguyên chất nhất sẽ lộ ra và có thể dùng để chế tạo những đồ vật trang sức. Thí dụ về nước như sau: Khi trời mưa to, nước chảy và rất bẩn, tại sao nước lại dơ bẩn? Bởi vì bụi và nước trộn lẫn với nhau nên thành nước đục. Khi nước được lắng lọc và bụi chìm xuống thì bụi được loại bỏ và nước trở nên trong. Nếu nước được đun nóng đến mức biến thành hơi nước, và khi nguội đi, nó trở thành nước cất, thì đó là nước sạch nhất.

Nhiếp Luận: “Trong kinh Đại thừa a tì đạt ma, đức Thế tôn nói pháp có 3 thứ: một là tạp nhiễm, hai là thanh tịnh, ba là hai phần ấy. Ngài đã căn cứ mật ý nào mà nói như vậy? Nơi y tha, biến kế là tạp nhiễm, viên thành là thanh tịnh, và y tha khởi lên 2 phần ấy: đức Thế tôn đã căn cứ mật ý này mà nói như trên. Nghĩa này có thể biểu thị bằng ví dụ nào? Có thể biểu thị bằng ví dụ khối vàng đất. Như trong khối vàng đất có 3 thứ thấy được: một là địa giới, hai là đất, ba là vàng. Trong địa giới, đất không thật mà hiện thấy có, còn vàng là thật thì không thấy; khi luyện bằng lửa thì đất không còn mà vàng hiện ra. Thêm nữa, nơi địa giới, khi đất hiện ra là hư vọng biểu hiện, khi vàng hiện ra là chân thật biểu hiện, nên địa giới là cả 2 phần ấy; thức cũng vậy, khi lửa trí vô phân biệt chưa đốt cháy nung luyện thì nơi thức ấy biến kế biểu hiện mà viên thành không biểu hiện, khi thức ấy được lửa trí vô phân biệt đốt cháy nung luyện thì nơi thức ấy viên thành biểu hiện mà biến kế không biểu hiện. Do vậy, nơi y tha là cái thức phân biệt có cả 2 phần, như trong khối vàng đất có cả 2 thứ vàng và đất.” (H.T Thích Trí Quang dịch)